**BÀI 5:**

**TRÒ CHUYỆN CÙNG THIÊN NHIÊN**

Số tiết: 12 tiết (từ tiết 58-69)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Bài soạn tác phẩm Lao xao của nhà văn Duy Khán | Tập đọc lớp 5: Hành trình của bầy ong - Giải bài tập SGK Tiếng Việt 5 trang  119 - VnDoc.com | PTNN: Câu chuyện Khi mẹ vắng nhà |

**Tiết 58,59.**

**TRI THỨC NGỮ VĂN + LAO XAO NGÀY HÈ**

**I. MỤC TIÊU**

***1.Kiến thức***

- Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của hồi kí.

- Nhận biết được chủ đề của văn bản, tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.

- Nhận biết được biện pháp tu từ ẩn dụ, hoán dụ và tác dụng của chúng; vận dụng được biện pháp tu từ khi nói và viết.

- Viết được bài văn tả cảnh sinh hoạt; nói và nghe về cảnh sinh hoạt.

- Biết lắng nghe tiếng nói của thiên nhiên và tâm hồn mình.

***2. Năng lực***

**\* Năng lực chung**

*Năng lực tự chủ và tự học*: tự nghiên cứu bài ở nhà; hoàn thành các phiếu học tập; chia sẻ, thảo luận, đánh giá qua các hoạt động nhóm.

*Năng lực giao tiếp và hợp tác*: có thái độ chừng mực trong giao tiếp; biết sống hòa hợp với người khác; phát triển khả năng làm việc nhóm.

*Năng lực giải quyết vấn đề:* phối hợp, vận dụng những kinh nghiệm của bản thân, kiến thức, kĩ năng để giải quyết các tình huống trong học tập.

\* **Năng lực riêng biệt:**

*Năng lực ngôn ngữ:* Có khả năng diễn đạt các vấn đề trôi chảy.

*Năng lực thẩm mĩ*: HS khám phá, thưởng thức, rung cảm về những cái đẹp qua văn bản.

1. ***Phẩm chất:*** Yêu nước, nhân ái, yêu thiên nhiên, sống chan hòa với thiên nhiên.

**\* TÍCH HỢP GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG:** Giữ gìn bảo vệ cảnh quan thiên nhiên; yêu thiên nhiên.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

* SGK, SGV
* Tranh, ảnh liên quan đến bài học.
* Máy tính, ti vi, tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh về các loài chim.
* Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

* 1. **Mục tiêu**

Kết nối tri thức, dẫn dắt học sinh nhận biết mục tiêu văn bản.

Tạo hứng khởi cho cho sinh trước khi vào bài mới.

1. **Nội dung**

- GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh, trả lời câu hỏi của GV.

- HS quan sát các hình ảnh trên màn chiếu suy nghĩ cá nhân và trả lời.

1. **Sản phẩm:** HS nêu/trình bày được:

- Nội dung của hình ảnh: Thiên nhiên quanh ta thật đẹp. Con người yêu quý và sống hòa hợp với thiên nhiên.

- HS chia sẻ cảm xúc của cá nhân (định hướng mở)

1. **Tổ chức thực hiện**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

Giáo viên chiếu hình ảnh, yêu cầu HS quan sát và đặt câu hỏi:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |
|  |  |  |

? Những hình ảnh trên gợi cho em cảm xúc và mong muốn gì?

**B2. Thực hiện nhiệm vụ**

HS quan sát hình ảnh và suy nghĩ cá nhân.

GV hướng dẫn HS quan sát.

**B3. Báo cáo thảo luận**

GV:

- Yêu cầu cá nhân lên trình bày sản phẩm.

- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

HS:

- Trả lời câu hỏi của GV.

- Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

**B4. Kết luận, nhận định**

Gv nhận xét câu trả lời của Hs và kết nối vào phần kiến thức mới.

*Thiên nhiên là cái nôi nuôi dưỡng cả đời sống vật chất lẫn tâm hồn con người. Mỗi người lớn lên đều gắn bó với thiên nhiên, hòa mình cùng thiên nhiên. Đặc biệt, là tuổi thơ của chúng ta.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1. Tìm hiểu tri thức đọc hiểu: Kí, hồi kí**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS

- Nhận biết khái niệm và đặc điểm của thể loại kí, hồi kí.

**b. Nội dung**:

- Gv hỏi thông tin về đặc điểm của thể loại kí, hồi kí.

- Hs trả lời dựa vào phần giới thiệu (SGK/111) để điền phiếu KWL và những phần khuyết trong PHT 1.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về thể loại kí, hồi kí.

- HS hoàn thành cột K và cột W

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **K**  **(Những điều em biết về hồi kí)** | **W**  **(Những điều em muốn biết/ điều em hỏi về hồi kí)** | **L**  **(Những điều em học được về hồi kí qua văn bản)** |
| Nội dung: chủ yếu kể về những sự việc từng tham dự, xảy ra trong quá khứ. | - Được kể theo trình tự thế nào?  - Người kể chuyện là ai? |  |

- HS hoàn thành điền từ:

|  |
| --- |
| PHIẾU HỌC TẬP 1  Điền từ khóa phù hợp vào những chỗ trống |
| *Khái niệm:* Kí là thể loại văn học coi trọng sự thật và những trải nghiệm, chứng kiến của chính người viết. |
| Trong kí, có những sản phẩm thiên về sự việc như hồi kí, du kí… có những tác phẩm thiên về biểu cảm như tuỳ bút, tản văn. |
| *Hồi kí:* chủ yếu kể lại những sự việc mà người viết đã từng tham dự hoặc chứng kiến trong quá khứ. Các sự việc trong hồi kí thường kể theo trình tự thời gian, gắn với một hoặc nhiều giai đoạn trong cuộc đời của tác giả. |
| *Du kí:* Chủ yếu kể về những sự việc mới diễn ra hoặc đang diễn ra gắn với những chặng đường trong hành trình tìm hiểu những vùng đất lì thú của Việt Nam và thế giới. |
| *Người kể chuyện ngôi thứ nhất trong hồi kí* (thường xưng “tôi”, “chúng tôi”) mang hình bóng của tác giả, nhưng không hoàn toàn đồng nhất với tác giả |
| *Hình thức ghi chép và cách kể sự việc trong hồi kí:*  Tư liệu được “ghi chép” hồi kí phải đảm bảo độ xác thực, tin cậy.  Người viết hồi kí không thể bê nguyên những cái có thật vào văn bản mà phải ghi sao cho thành chuyện và kể sao cho hấp dẫn, sâu sắc. |

**d. Tổ chức thực hiện**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu HS dựa vào phần tri thức đọc hiểu đã tìm hiểu ở nhà để hoàn thiện phiếu học tập số 1: Điền khuyết về khái niệm, đặc điểm của thể kí.

|  |
| --- |
| PHIẾU HỌC TẬP 1  Điền từ khóa phù hợp vào những chỗ trống |
| *Khái niệm:* Kí là thể loại văn học coi trọng .................và những ..................., .................. của chính người viết. |
| Trong kí, có những sản phẩm thiên về sự việc như .........., .............… có những tác phẩm thiên về biểu cảm như ............., .................... |
| *Hồi kí:* chủ yếu kể lại những sự việc mà người viết ........................ hoặc ..................... trong quá khứ. Các sự việc trong hồi kí thường kể theo trình tự thời gian, gắn với một hoặc nhiều giai đoạn trong cuộc đời của tác giả. |
| *Du kí:* Chủ yếu kể về những sự việc ...................... hoặc ....................... gắn với những chặng đường trong hành trình tìm hiểu những vùng đất lì thú của Việt Nam và thế giới. |
| *Người kể chuyện ngôi thứ nhất trong hồi kí* (thường xưng “tôi”, “chúng tôi”) ......................... của tác giả, nhưng .........................................với tác giả |
| *Hình thức ghi chép và cách kể sự việc trong hồi kí:*  Tư liệu được “ghi chép” hồi kí phải đảm bảo độ ........................, ..........................  Người viết hồi kí ............................. những cái có thật vào văn bản mà phải ghi sao cho ............................... và kể sao cho ......................., ......................... |

**B2. Thực hiện nhiêm vụ**

Hs quan sát phần thông tin trong SGK, thảo luận cặp đôi.

**B3. Báo cáo thảo luận**

Hs đại diện cặp đôi trả lời

HS khác nhận xét và góp ý

**B4. Kết luận, nhận định**

Gv nhận xét câu trả lời của học sinh và chốt kiến thức

***\* Tìm hiểu tri thức đọc hiểu: Kí (hồi kí, du kí) (SGK/111)***

**Hoạt động 2. Tìm hiểu văn bản**

**Văn bản 1: LAO XAO NGÀY HÈ**

(*Trích* ***“Tuổi thơ im lặng”)***

**(**Duy Khán)



**Nhiệm vụ 1. Trải nghiệm cùng văn bản**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **a. Mục tiêu:** Giúp HS  - Đọc tích cực văn bản.  - Biết được những thông tin cơ bản về tác giả Duy Khán và tác phẩm *Tuổi thơ im lặng,* đoạn trích *“Lao xao ngày hè”.*  **b. Nội dung**:  - Gv hỏi thông tin chung về tác giả, tác phẩm  - Hs trả lời dựa vào phần giới thiệu tác phẩm được đóng khung ở đầu văn bản và thông tin về tác giả ở cuối văn bản qua phần chuẩn bị ở nhà (trình chiếu power point)  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  - Tác giả Duy Khán (SGK/116): tiểu sử và phong cách văn chương.  - Tác phẩm: Thể loại, xuất xứ, ngôi kể, bố cục   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | **Cách hiểu của em** | **Trao đổi với bạn** | **Kết luận của giáo viên** | | **Thể loại** |  |  | Hồi kí | | **Xuất xứ** |  |  | Trích “Tuổi thơ im lặng” | | **Ngôi kể** |  |  | Ngôi thứ nhất (tôi, chúng tôi) | | **Bố cục** |  |  | 3 phần:  + Cảnh làng quê lúc chớm hè.  + Thế giới các loài chim.  + Cảm xúc về những ngày hè đã qua. |   **d. Tổ chức thực hiện**  - GV sử dụng kĩ thuật tia chớp, dạy học dự án.  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Gv cho hs trình bày thông tin về tác giả Duy Khán, tác phẩm, đoạn trích.  **B2. Thực hiện nhiêm vụ**  Hs quan sát phần thông tin trong sgk  **B3. Báo cáo thảo luận**   * Nhóm 1 trình bày về tác giả: tiểu sử, phong cách văn chương * Nhóm 2 trình bày về tác phẩm: thể loại, ngôi kể, xuất xứ, bố cục, nhân vật   **B4. Kết luận, nhận định**  Gv nhận xét câu trả lời của học sinh và chốt kiến thức lên màn hình. |
| **I. Trải nghiệm cùng văn bản**  **1. Đọc văn bản**  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  **-** Duy Khán (1934 - 1993), là nhà văn, nhà báo, nhà thơ quân đội.  - Thường viết về đề tài tuổi thơ và tình yêu quê hương đất nước. |
| **b. Tác phẩm:**  **- Thể loại:** hồi kí.  **- Xuất xứ:** Trích chương 6 trong “Tuổi thơ im lặng” (1986)  **- Ngôi kể:** Ngôi kể thứ nhất (tôi, chúng tôi)  **- Bố cục: 3** phần  + Phần 1: Từ đầu … *râm ran*.  Cảnh làng quê lúc chớm hè.  + Phần 2: Tiếp đến *cả bãi húng dũi*  Thế giới các loài chim.  + Phần 3: còn lại  Cảm xúc về những ngày hè đã qua. |

**Nhiệm vụ 2. Suy ngẫm và phản hồi**

**Nội dung 1. Cảnh làng quê lúc chớm hè.**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS

- Cảm nhận được bức tranh thiên nhiên mùa hè đẹp, bình dị, gần gũi.

- Thấy được tình cảm yêu mến và gắn bó vơí thiên nhiên của tác giả.

**b) Nội dung**:

- Gv yêu cầu hs tìm hiểu trình tự miêu tả, chi tiết miêu tả khung cảnh làng quê, âm thanh, nghệ thuật.

- Hs trình bày dự án, phản biện, hoạt động nhóm.

**c) Sản phẩm:**

|  |  |
| --- | --- |
| Âm thanh, hình ảnh | Giác quan cảm nhận |
| Tiếng trò chuyện của nhóm trẻ: râm ran  Tiếng kêu của các loài chim: các các, bìm bịp, tu hú, chéc chéc,…  Tiếng nước suối chảy ào ào  Tiếng sáo diều cao vút  Tiếng ve kêu dàn nhạc  Tiếng chó sủa thủng thẳng...  Cây cối um tùm: hoa lan nở, móng rồng, hoa dẻ... Cả làng thơm  Chúng tôi no nê, giải chiếu ở hiên nhà  Ngày lao xao, đêm lao xao, không ai ngủ ... | Thính giác + Thị giác + Khứu giác  => Kết hợp nhiều giác quan và cảm nhận |
| Nghệ thuật: liệt kê (các loài hoa, các loài ong), nhân hóa (bướm hiền lành…), so sánh... | |
| => Bức tranh thiên nhiên ngày hè sinh động, thú vị. | |

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

**-** Nhóm 3 trình bày sản phẩm với yêu cầu đã cho trước: Khung cảnh làng quê lúc chớm hè được miêu tả cụ thể qua âm thanh, hình ảnh nào? Trong đó có sử dụng biện pháp tu từ nào? Từ đó, em có nhận xét gì về bức tranh thiên nhiên chớm hè?

- Từ phần trình bày của nhóm 3, HS lần lượt trả lời các câu hỏi:

? Tác giả miêu tả theo trình tự nào?

? Liệt kê một số câu văn kể chuyện, miêu tả được sử dụng trong đoạn văn?

? Âm thanh nào được tác giả chú ý nhất?

GV: *Từ láy tượng thanh lao xao sẽ trở thành âm hưởng chủ đạo trong bài văn này. Trong cái lao xao của đất trời, cỏ cây, có cả cái lao xao của tâm hồn tác giả.*

? Quan sát đoạn văn thứ 2. Nhận xét về số câu, tiếng trong các câu văn? Dụng ý của tác giả?

? Cảm nhận của em về cảnh này như thế nào?

**B2. Thực hiện nhiêm vụ**

HS nhóm 3 trình bày sản phẩm, HS nhóm khác nhận xét, góp ý.

**B3. Báo cáo thảo luận**

HS tích cực trả lời, HS khác đánh giá, phản biện.

**B4. Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét sản phẩm của nhóm, cá nhân và chốt kiến thức lên màn hình.

|  |
| --- |
| **II. Suy ngẫm và phản hồi**  **1. Cảnh làng quê lúc chớm hè.**  - Khung cảnh làng quê lúc sang hè với bao *màu sắc* và *hương thơm* của các loài hoa quen thuộc, cùng với vẻ *nhộn nhịp, xôn xao, tất bật* của bướm ong  - Trình tự miêu tả: từ khái quát đến cụ thể...  - Âm thanh *Lao xao:* Rất khẽ, rất nhẹ, nhưng khá rõ → Sự chuyển động của đất trời, thiên nhiên làng quê khi hè về  - Câu văn ngắn, có câu chỉ có 1 tiếng. Dụng ý: Liệt kê, nhấn mạnh ý, thu hút sự chú ý của người đọc.  → Đó là cảnh thiên nhiên ở làng quê rất đẹp, bình dị, gần gũi... |

**Nội dung 2. Thế giới các loài chim**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS

- Cảm nhận được vẻ đẹp và sự phong phú của thiên nhiên làng quê qua hình ảnh các loài chim.

- Thấy được tâm hồn nhậy cảm, sự hiểu biết và lòng yêu thiên nhiên làng quê của tác giả

- Hiểu được nghệ thuật quan sát và miêu tả chính xác, sinh động và hấp dẫn về các loài chim ở làng quê trong bài văn.

**b) Nội dung**:

- Tìm hiểu thế giới loài chim tạo nên bức tranh phong cảnh thiên nhiên của làng quê lúc giao mùa.

- Hiểu được nhân vật “tôi” qua sự am hiểu về thế giới loài chim.

**c) Sản phẩm:**

Hs trình bày sản phẩm của nhóm 4

|  |  |
| --- | --- |
| ? Duy Khán có tả các loài chim theo trình tự nào? | theo 2 nhóm: Chim hiền - Chim ác. |
| Tìm các chi tiết miêu tả cụ thể? | Bồ các: tiếng kêu các các, vừa bay vừa kêu cứ như bị ai đuổi đánh.  Diều hâu: mũi khoằm, đánh hơi tinh lắm.  Chèo bẻo: những mũi tên đen, mang hình đuôi cá từ đâu tới tấp bay đến. Ngày mùa chúng thức suốt đêm, mới tờ mờ đất nó đã cất tiếng gọi người “chè cheo chét”.  Chim cắt: cánh nhọn như dao bầu chọc tiết lợn, khi đánh nhau chỉ xỉa bằng cánh.  Âm thanh: tiếng kêu của các loài chim “các… các”, “bịm bịp”, “chéc chéc”, tiếng con gà mái “cực cực”, con vịt bầu “ mặc, mặc”. |
| Tác giả đã sử dụng các BPTT nào? | Liệt kê, so sánh, nhân hóa, ẩn dụ. |
| => Tác giả vừa là người có khả năng quan sát rất tinh tế, vừa là người có tình cảm gắn bó thân thiết với làng quê và thiên nhiên. | |

**d) Tổ chức thực hiện**

GV sử dụng phiếu học tập, kĩ thuật động não, phản biện.

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

**-** Nhóm 4 trình bày sản phẩm với yêu cầu đã cho trước: ? Duy Khán có tả các loài chim theo trình tự nào? Tìm các chi tiết miêu tả cụ thể? Tác giả đã sử dụng các BPTT nào? Qua đó, em có hiểu biết gì về tác gỉa Duy Khán?

- Từ phần trình bày của nhóm 4, HS lần lượt trả lời các câu hỏi:

? Em hiểu gì về loài chim sư hổ mang? Tác giả đã sử dụng nghệ thuật gì ở đây? Câu chuyện cổ tích về nguồn gốc của chim bìm bịp có ý nghĩa gì.

GV: *Thật ra điều này là do con người gán cho loài chim không được đẹp mã, lại có tiếng kêu kì lạ, chứ chẳng hề liên quan đến tính nết của loài chim này. Một thể hiện sự căm ghét cái ác, caí xấu, cái bịp bợm, nhất là ở những kẻ tu hành biến chất ... của nhân dân ta . Nguồn gốc của cái tên chim tu hú, chim bắt cô trói cột cũng có những câu chuyện cổ tích tương tự .*

? Cảnh diều hâu sà xuống bắt gà , cảnh gà mẹ sù cánh liều chết đánh lại để cứu con, cảnh diều hâu tha gà con lên không lại bị chèo bẻo bất ngờ đánh túi bụi,... gợi cho em những suy nghĩ cảm xúc gì? Nó gợi cho em nghĩ đến câu tục ngữ nào?

? Câu tục ngữ *Lia lia, láu láu (chấp cha, chấp chới) như quạ dòm chuồng lợn* có ý nghĩa gì? Thông qua loài quạ (trong câu tục ngữ) khiến em nghĩ đến loài người nào trong xã hội?

? Qua đây em rút ra được bài học gì về cách sống ở đời? Em có nghĩ đến câu ca dao nào nói về bài học này không?

? Sự khác biệt trong thái độ của nhân vật “tôi” đối với chèo bẻo, quạ, diều hâu và chim cắt giúp em hiểu gì thêm về nhân vật này? Những hiểu biết và cảm nhận của em về các loài chim có gì giống và khác với nhân vật “tôi”?

**\* Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống: Giữ gìn, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, yêu thiên nhiên.**

**B2. Thực hiện nhiêm vụ**

HS nhóm 4 trình bày sản phẩm, HS nhóm khác nhận xét, góp ý.

**B3. Báo cáo thảo luận**

HS tích cực trả lời, HS khác đánh giá, phát vấn, phản biện.

**B4. Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét sản phẩm của nhóm, cá nhân và chốt kiến thức lên màn hình.

|  |
| --- |
| **2. Thế giới các loài chim**  - Duy Khán không miêu tả thế giới các loài chim một cách tuỳ tiện mà ông xếp chúng theo 2 nhóm: Chim hiền - Chim ác.  - Miêu tả bằng việc quan sát hình dáng, màu sắc, hoạt động... kết hợp với trí tưởng tượng dân gian phong phú.  => Nhân vật tôi có sự am hiểu sâu sắc từ sự quan sát tự nhiên và kinh nghiệm có được khi sống ở vùng quê. |

**Nội dung 3. Cảm xúc về những ngày hè đã qua**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS

- Cảm nhận khung cảnh bình dị, đầm ấm và rất đỗi yên bình trong những ngày hè trên quê hương.

- Thấy được cảm xúc vui sướng, hạnh phúc khi được trải qua những mùa hè êm đềm, bình yên ở quê hương

**b) Nội dung**:

- Tìm hiểu những chi tiết miêu tả + biểu cảm thể hiện những cảm xúc gì khi kể về những ngày hè đã qua

- Khái quát được chủ đề văn bản.

**c) Sản phẩm:**

Hs trình bày sản phẩm hoạt động nhóm.

|  |  |
| --- | --- |
| PHIẾU HỌC TẬP 2 | |
| Câu văn, từ ngữ, hình ảnh | Tình cảm, cảm xúc. |
| - Những buổi tắm suối sau nhà.  - Ngủ ở hiên nhà. - Cả nhà ngồi ăn cơm trong hương lúa đầu mùa... - Chúng tôi no nê ... | Nhớ thương, trân trọng (sự đầm ấm quây quần của gia đình trong những ngày thơ ấu êm đềm) - Mãn nguyện với hạnh phúc đơn sơ. |
| Ôi cái mùa hè hiếm hoi…. khao khát, thầm ước | - Bâng khuâng, xao xuyến - Tiếc nuối, mong ước thiết tha |
| *=>*Phép liệt kê, dùng từ ngữ biểu cảm để thể hiện tình cảm, cảm xúc chân thật, tự nhiên, sâu sắc của tác giả về những trải nghiệm trong quá khứ, thiên nhiên. | |

**d) Tổ chức thực hiện**

GV sử dụng phiếu học tập, kĩ thuật động não, phản biện.

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS đọc phần cuối văn bản.

**-** GV chia lớp thành 4 nhóm, HS thảo luận, thực hiện phiếu học tập:

? Kỉ niệm những ngày hè trên quê hương được gơị tả cụ thể như thế nào? Liệt kê một số câu văn miêu tả và biểu cảm được sử dụng trong đoạn văn?

? Theo em tác giả hồi kí đã thể hiện những cảm xúc gì khi kể về những ngày hè đã qua?

|  |  |
| --- | --- |
| PHIẾU HỌC TẬP 2 | |
| Câu văn, từ ngữ, hình ảnh | Tình cảm, cảm xúc. |
|  |  |
|  |  |
| *=> Nhận xét nghệ thuật, con người tác giả* | |

- Từ phần trình bày của các nhóm, GV phát vấn chốt về chủ đề:

? Từ nội dung vừa tìm hiểu, em hãy khái quát lại chủ đề của văn bản “Lao xao mùa hè”.

**B2. Thực hiện nhiêm vụ**

HS 4 nhóm 4 thực hiện trao đổi nhóm.

**B3. Báo cáo thảo luận**

- Hai nhóm thực hiện nhanh nhất, cử Hs đại diện trình bày.

- HS khác đánh giá, phát vấn, phản biện.

**B4. Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét sản phẩm của nhóm, cá nhân và chốt kiến thức lên màn hình.

|  |
| --- |
| 1. **Cảm xúc về những ngày hè đã qua**   - Những buổi tắm suối sau nhà.  - Ăn cơm trên manh chiếu trải ở giữa sân.  - Ngủ ở hiên nhà.  - Tác giả đã thể hiện cảm xúc vui sướng, hạnh phúc, khoan khoái, bâng khuâng khi tận hưởng cái không khí riêng của ngày hè êm đềm, bình yên trên quê hương.  - Tình yêu thiên nhiên, tình cảm trân trọng những kỉ niệm tuổi thơ.  => Chủ đề văn bản: Thể hiện tình yêu với thiên nhiên và sự trân trọng, gìn giữ vẻ đẹp của thiên nhiên, cảnh sắc quê hương.  **\* TÍCH HỢP GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG:** Giữ gìn bảo vệ cảnh quan thiên nhiên; yêu thiên nhiên. |

**Nội dung 4. Khái quát đặc trưng thể loại**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS

- Nhận biết, thông hiểu về đặc trưng của thể loại hồi kí

**b) Nội dung**:

- Tìm hiểu đặc điểm hồi kí…thể hiện qua văn bản.

- Hs hoạt động nhóm, kĩ thuật KWL

**c) Sản phẩm:**

**HS trình bày cột L vào phiếu học tập 3**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **K**  **(Những điều em biết về hồi kí)** | **W**  **(Những điều em muốn biết/ điều em hỏi về hồi kí)** | **L**  **(Những điều em học được về hồi kí qua văn bản)** |
| Nội dung: chủ yếu kể về những sự việc từng tham dự, xảy ra trong quá khứ. | - Được kể theo trình tự thế nào?  - Người kể chuyện là ai? | - Lời kể chân thực, tự nhiên, kết hợp độc đáo giữa miêu tả, kể chuyện và biểu cảm.  - Truyện kể theo trình tự thời gian, gắn với thời thơ ấu của tác giả.  -Ngôi kể thứ nhất, xưng “tôi”, “chúng tôi”. |

**d) Tổ chức thực hiện**

GV sử dụng phiếu học tập, kĩ thuật KWL

**\* Hoạt động của thầy và trò**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv cho hs thực hiện nhóm, phản biện

- Yêu cầu học sinh đọc và điền vào phiếu học tập 3

- Sử dụng kĩ thuật động não, phản biện về đặc trưng thể loại hồi kí

**B2. Thực hiện nhiêm vụ**

- Hs thực hiện nhóm, điền vào phiếu học tập

**B3. Báo cáo thảo luận**

Hs chia sẻ kết quả cách hiểu của mình

**B4. Kết luận, nhận định**

\* Gv nhận xét phần trình bày của học sinh và chốt kiến thức lên màn hình, hướng dẫn hs ghi kết luận vào phiếu học tập và lưu trong vở..

**4. Khái quát đặc trưng thể loại**

- Lời kể chân thực, tự nhiên, kết hợp độc đáo giữa miêu tả, kể chuyện và biểu cảm.

- Truyện kể theo trình tự thời gian, gắn với thời thơ ấu của tác giả.

- Ngôi kể thứ nhất, xưng “tôi”, “chúng tôi”.

- Hồi kí hiện đại nhưng chứa đựng những yếu tố văn hoá dân gian: đồng dao, thành ngữ, truyện cổ tích...

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

1. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào bài tập cụ thể.
2. **Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao.
3. **Sản phẩm:** Đáp án: 1C – 2D – 3D – 4B – 5A – 6D – 7B - 8C

**d.Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS trả lời nhanh một số câu hỏi trắc nghiệm trên bảng phụ:

**Câu 1:** Nhận xét nào đúng khi nói về đoạn trích?

A. Đoạn văn này miêu tả trực tiếp các loài chim theo cách nhìn và cảm nhận của người lớn.

B. Đây là lời kể của một em bé ở làng quê về các loài chim vì câu chuyện có nói đến chuyện lũ trẻ con xem đàn Chèo bẻo cứu bạn.

C. Đây là hồi kí của nhà văn về thời niên thiếu của mình ở làng quê.

D. Tất cả đều đúng

**Câu 2:** Tác giả Duy Khán đã từng là:

A. Là nhà văn quân đội

B. Là một giáo viên

C. Là một phóng viên

D. Tất cả đều đúng

**Câu 3:** Văn bản "Lao Xao" viết theo phương thức biểu đạt nào?

A. Miêu tả

B. Kể chuyện

C. Trần thuật

D. Tả và kể

**Câu 4:** Văn bản "Lao xao" trích trong tác phẩm "Tuổi thơ im lặng" xuất bản năm 1987 của nhà văn Duy Khán đúng hay sai?

A. Đúng

B. Sai

**Câu 5:** Đoạn trích Lao xao thuộc thể loại nào?

A. Hồi kí tự truyện.

B. Bút kí.

C. Truyện ngắn.

D. Nhật kí.

**Câu 6**: Nội dung chính của đoạn trích đề cập đến loài vật nào?

A. Loài gà.

B. Loài kiến.

C. Loài nhện.

D. Loài chim.

**Câu 7:** Trong đoạn trích thứ hai, tác giả đã miêu tả cuộc đánh nhau giữa:

A. Chèo bẻo và diều hâu.

B. Chèo bẻo và chim cắt.

C. Diều hâu và chim cắt.

D. Chim cắt và gà mẹ.

**Câu 8:** Chim cắt sử dụng loại vũ khí nào khi đánh nhau?

A. Dùng chân đá và cào đối thủ.

B. Vừa dùng mỏ, dùng chân, vừa dùng cánh đánh đối thủ.

C. Dùng cánh xĩa đối thủ.

D. Dùng mỏ cắn và xé thịt đối thủ.

**B2. Thực hiện nhiệm vụ**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời các câu hỏi

**B3. Báo cáo thảo luận**

- HS trình bày

**B4. Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**

Từ những tri thức đã được học qua văn bản, vận dụng thêm những kinh nghiệm của bản thân, kiến thức, kĩ năng để thực hiện nhiệm vụ viết đoạn.

**b. Nội dung**

HS ghi lại cảm xúc của bản thân về một khung cảnh đẹp mà em yêu thích trên quê hương em vào một buổi sớm mai.

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

**\* Hoạt động của thầy và trò**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV giao nhiệm vụ

? Hãy ghi lại những cảm xúc của bản thân em về một khung cảnh đẹp mà em yêu thích trên quê hương em vào một buổi sớm mai?

**B2. Thực hiện nhiệm vụ**

GV hướng dẫn HS xác nhiệm vụ và viết bài.

HS đọc, xác định yêu cầu của bài tập và thực hiện bài viết

**B3. Báo cáo thảo luận**

GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.

HS nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn. (*Qua Zalo hoặc Gmail*) - HS ghi điểm cho HS.

**B4. Kết luận, nhận định**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có)).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau:

+ Đọc kĩ lại văn bản và nắm chắc nội dung, nghệ thuật đặc sắc của văn bản.

+ Tập ghi chép lại những kỉ niệm đáng nhớ của bản thân qua cuốn nhật kí nhỏ.

+ Đọc trước và soạn Văn bản: “***Thương nhớ bầy ong***”

…………………………………………………….

**Tiết 60,61.**

**Văn bản 2: THƯƠNG NHỚ BẦY ONG**

**(Trích “Hồi kí Song đôi”)**

**– *Huy Cận*–**

**I. MỤC TIÊU**

***1.Kiến thức***

- Tóm tắt văn bản một cách ngắn gọn.

- Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.

- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.

***2. Năng lực***

**\* Năng lực chung**

*Năng lực tự chủ và tự học*: tự nghiên cứu bài ở nhà; hoàn thành các phiếu học tập; chia sẻ, thảo luận, đánh giá qua các hoạt động nhóm.

*Năng lực giao tiếp và hợp tác*: có thái độ chừng mực trong giao tiếp; biết sống hòa hợp với người khác; phát triển khả năng làm việc nhóm.

*Năng lực giải quyết vấn đề:* phối hợp, vận dụng những kinh nghiệm của bản thân, kiến thức, kĩ năng để giải quyết các tình huống trong học tập.

\* **Năng lực riêng biệt:**

*Năng lực ngôn ngữ:* Có khả năng diễn đạt các vấn đề trôi chảy.

*Năng lực thẩm mĩ*: HS khám phá, thưởng thức, rung cảm về những cái đẹp qua văn bản.

***3. Phẩm chất:***

- Yêu thiên nhiên.

- Giữ gìn, nâng niu kỷ niệm tuổi thơ.

**\* Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống: Giữ gìn, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, yêu thiên nhiên.**

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

* SGK, SGV, KHBD
* Máy tính, ti vi, tranh ảnh về tác giả Huy Cận và văn bản “Thương nhớ bầy ong”
* Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.
* Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

1. **Mục tiêu**

Kết nối tri thức, dẫn dắt học sinh nhận biết mục tiêu văn bản.

Tạo hứng khởi cho cho sinh trước khi vào bài mới.

1. **Nội dung**

- GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh, trả lời câu hỏi của GV.

- HS quan sát các hình ảnh trên màn chiếu suy nghĩ cá nhân và trả lời.

1. **Sản phẩm:**

- HS chia sẻ được cảm xúc của cá nhân (định hướng mở)

1. **Tổ chức thực hiện**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

Giáo viên chiếu hình ảnh, yêu cầu HS quan sát và đặt câu hỏi:

1. Đã bao giờ em phải chia tay mãi mãi với một con vật nuôi, một đồ chơi, một vật dụng …hết sức thân thiết đối với mình? Cảm xúc của em khi ấy như thế nào?
2. Chia sẻ hiểu biết của em về nghề nuôi ong và tình cảm của người nuôi ong với bầy ong của mình.

**B2. Thực hiện nhiệm vụ**

HS nêu suy nghĩ cá nhân.

GV hướng dẫn HS quan sát.

**B3. Báo cáo thảo luận**

GV:

- Yêu cầu cá nhân trình bày.

- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

HS:

- Trả lời câu hỏi của GV.

- Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

**B4. Kết luận, nhận định**

Gv nhận xét câu trả lời của Hs và kết nối vào phần kiến thức mới.

*Không chỉ khi chia ta bạn bè, người thân mới khiến chúng ta buồn và cảm thấy hụt hẫng. Những vật tưởng chừng như vô tri, vô giác nhưng khi chúng ta gắn bó lâu mà phải chia xa cũng đều khiến chúng ta cảm thấy mất mát như chính một phần trong tâm hồn mình, Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu để cảm hận rõ hơn tình cảm của tác giả qua VB* ***Thương nhớ bầy ong*** *của Huy Cận.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1. Tìm hiểu văn bản**

**Nhiệm vụ 1. Trải nghiệm cùng văn bản**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **a. Mục tiêu:** Giúp HS  - Đọc tích cực văn bản.  - Biết được những thông tin cơ bản về tác giả Huy Cận và đoạn trích *“Thương nhớ bầy ong”.*  **b. Nội dung**:  - Gv hỏi thông tin chung về tác giả, tác phẩm  - Hs trả lời dựa vào phần giới thiệu tác phẩm được đóng khung ở đầu văn bản và thông tin về tác giả ở cuối văn bản qua phần chuẩn bị ở nhà (trình chiếu power point).  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  - Tác giả Huy Cận (SGK/119): tiểu sử và phong cách văn chương.  - Tác phẩm: Thể loại, xuất xứ, ngôi kể, bố cục   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | **Cách hiểu của em** | **Trao đổi với bạn** | **Kết luận của giáo viên** | | **Thể loại** |  |  | Hồi kí | | **Xuất xứ** |  |  | Trích “Hồi kí Song đôi” | | **Ngôi kể** |  |  | Ngôi thứ nhất (tôi) | | **Bố cục** |  |  | 2 phần:  + Phần 1: Bầy ong trong kí ức tuổi thơ của nhân vật “tôi” trước ngày ông mất.  + Phần 2: Bầy ong trong kí ức tuổi thơ của nhân vật “tôi” sau ngày ông mất. |   **d. Tổ chức thực hiện**  - GV sử dụng kĩ thuật tia chớp, dạy học dự án.  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Gv cho hs trình bày thông tin về tác giả Huy Cận, tác phẩm, đoạn trích.  **B2. Thực hiện nhiêm vụ**  Hs quan sát phần thông tin trong sgk  **B3. Báo cáo thảo luận**   * Nhóm 1 trình bày về tác giả: tiểu sử, phong cách văn chương * Nhóm 2 trình bày về tác phẩm: thể loại, ngôi kể, xuất xứ, bố cục, nhân vật   **B4. Kết luận, nhận định**  Gv nhận xét câu trả lời của học sinh và chốt kiến thức lên màn hình. |
| **I. Trải nghiệm cùng văn bản**  **1. Đọc văn bản**  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  - Huy Cận (1919-2005), quê ở Hà Tĩnh.  - Ông làm thơ và nổi tiếng từ trước CMT8/1945; ngoài làm thơ, ông còn viết văn xuôi, tiểu luận và phê bình văn học. |
| **b. Tác phẩm:**  **- Thể loại:** hồi kí.  **- Ngôi kể:** Ngôi kể thứ nhất (lời kể của nhân vật tôi)  **- Bố cục: 2** phần  + Phần 1: Từ đầu đến “cày ải”  Bầy ong trong kí ức tuổi thơ của nhân vật “tôi” trước ngày ông mất.  + Phần 2: phần còn lại =>Bầy ong trong kí ức tuổi thơ của nhân vật “tôi” sau ngày ông mất. |

**Nhiệm vụ 2. Suy ngẫm và phản hồi**

**Nội dung 1. Bầy ong trong kí ức tuổi thơ của nhân vật “tôi” trước ngày ông mất**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS

- Tìm được những chi tiết kể về bầy ong và cảm xúc của nhân vật “tôi” trước ngày ông mất

**b) Nội dung**:

- Gv yêu cầu hs tìm hiểu những chi tiết kể về bầy ong, cảm xúc của nhân vật “tôi”

- Hs trình bày, phản biện, hoạt động nhóm.

**c) Sản phẩm:**

|  |  |
| --- | --- |
| Những chi tiết kể về bầy ong ngày xưa | Những chi tiết kể về nhân vật “tôi” với bầy ong. |
| + Ngày xưa, ông nuôi nhiều ong, đằng sau nhà có 2 dãy đõ ong mật  + Sau nhà có 2 đõ ong sây lắm  + Chiều lỡ buổi, ong bay họp đàn trước đõ | Tôi hay ra xem.  Bị ong đốt nhưng mê xem không thôi. |
| - Nhận xét về cảm xúc của nhân vật “tôi” tại thời điểm đó: mải mê quan sát, ngắm đàn ong không chán mắt. | |

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

**-** Nhóm 3 trình bày sản phẩm với yêu cầu đã cho trước: Tìm những chi tiết kể về bầy ong ngày xưa; những chi tiết kể về nhân vật “tôi” với bầy ong. Nhận xét về cảm xúc của nhân vật “tôi” tại thời điểm đó.

**B2. Thực hiện nhiêm vụ**

HS nhóm 3 trình bày sản phẩm, HS nhóm khác nhận xét, góp ý.

**B3. Báo cáo thảo luận**

HS tích cực trả lời, HS khác đánh giá, phản biện.

**B4. Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét sản phẩm của nhóm, cá nhân và chốt kiến thức lên màn hình.

|  |
| --- |
| **II. Suy ngẫm và phản hồi**  **1. Bầy ong trong kí ức tuổi thơ của nhân vật “tôi” trước ngày ông mất**  - Những đõ ong:  + Ngày xưa, ông nuôi nhiều ong, đằng sau nhà có 2 dãy đõ ong mật  + Sau nhà có 2 đõ ong sây lắm  + Chiều lỡ buổi, ong bay họp đàn trước đõ  => Nhiều, sung túc, rất vượng  - Nhân vật tôi:  + Hay ra xem ong họp đàn  + Nhiều khi bị ong đốt nhưng mê xem không thôi  => Vui vẻ, hứng khởi, mê đắm |

**Nội dung 2. Bầy ong trong kí ức tuổi thơ của nhân vật “tôi” sau ngày ông mất.**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS

- Tìm được những chi tiết kể về bầy ong và cảm xúc của nhân vật “tôi” trước ngày ông mất

- Rút ra bài học cho bản thân từ nội dung văn bản.

**b) Nội dung**:

- Tìm hiểu những chi tiết kể về bầy ong sau ngày ông mất.

- Hiểu được cảm xúc của nhân vật “tôi”.

**c) Sản phẩm:**

Hs trình bày sản phẩm của nhóm 4

|  |  |
| --- | --- |
| Những chi tiết diễn tả nỗi buồn của nhân vật “tôi” khi chứng kiến bầy ong bỏ tổ bay đi | + Buồn lắm, cái buồn của chiều quê, của không gian  + Những lúc cả nhà đi vắng, còn buồn đến nỗi khóc một mình…như trời hạ xuống  + Một lần, ở nhà một mình thấy ong trại không làm gì được, chỉ nhìn theo buồn không nói được.  + Cái buồn của đứa trẻ rộng lón đến bao nhiêu, các thi sĩ văn nhân đã ai nói đến chưa?  + Nhìn ong trại đi, tưởng như một mảnh hồn tôi đã san đi nơi khác.  BPTT: So sánh => nhấn mạnh nỗi buồn của nhân vật tôi |
| - Nhận xét về nhân vật “tôi”: yêu thương bầy ong ấy, rất buồn và luyến tiếc khi chứng kiến bầy ong bỏ tổ bay đi. | |

**d) Tổ chức thực hiện**

GV sử dụng phiếu học tập, kĩ thuật động não, phản biện.

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

**-** Nhóm 4 trình bày sản phẩm với yêu cầu đã cho trước: Tìm những chi tiết diễn tả nỗi buồn của nhân vật “tôi” khi chứng kiến bầy ong bỏ tổ bay đi. Tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ nào? Em có nhận xét gì về tình cảm mà cậu bé dành cho bầy ong?

- GV phát vấn: Em có nhận xét gì về cách quan sát, cảm nhận thiên nhiên, loài vật của nhân vật “tôi”?

GV bình giảng: Huy Cận là người có tình cảm yêu mến đặc biệt với bầy ong. Ở ông có sự quan sát tỉ mỉ và vốn hiểu biết về đặc điểm loài ong => Cách cảm nhận về thiên nhiên, loài vật vô cùng tinh tế và phát hiện ra những điều sâu sắc: mọi vật đều mang trong nó một linh hồn, gần gũi và thân thuộc với con người.

**B2. Thực hiện nhiêm vụ**

HS nhóm 4 trình bày sản phẩm, HS nhóm khác nhận xét, góp ý.

**B3. Báo cáo thảo luận**

HS tích cực trả lời, HS khác đánh giá, phát vấn, phản biện.

**B4. Kết luận, nhận định**

- GV bình: Đàn ong bay đi như mang theo cả tâm hồn và những gì thân thuộc nhất với cậu, Cái cảm giác nhìn đàn ong bay lên cao mãi mà chẳng thể níu giữ được đã để lại trong nhân vật một khoảng trống mênh mông, vô định, buồn không thể cất thành lời. Cậu bé cảm nhận giống như một phần tâm hồn, tinh thần của mình đã bị san sẻ đến nơi khác. Và cậu nhận ra rằng những vật vô tri vô giác, dù nhỏ bé tầm thương như chiếc giá đặt đõ ong hay chậu nước con con ở chân giá cũng có tâm hồn và khiến chúng ta yêu mến. Hãy trân trọng thiên nhiên như trân trọng chính mình.

**\* Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống: Giữ gìn, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, yêu thiên nhiên.**

- GV nhận xét sản phẩm của nhóm, cá nhân và chốt kiến thức lên màn hình.

|  |
| --- |
| **2. Bầy ong trong kí ức tuổi thơ của nhân vật “tôi” sau ngày ông mất.**  - Những đõ ong:  + Sau ngày ông chết, cha và chú còn nuôi một ít đõ, nhưng không vượng như xưa  + Mấy lần ong trại, một phần đàn ong dời xa bỏ tổ nhà mang theo ong chúa, chú và mọi người ném đất vụn để bầy ong bay về đõ.  + Có lần ong bay lên cao và mất hút trong chốc lát.  => Đàn ong ít hơn, bay đi, rời đi   * Nhân vật tôi:   + Buồn lắm, cái buồn của chiều quê, của không gian  + Những lúc cả nhà đi vắng, còn buồn đến nỗi khóc một mình…như trời hạ xuống  + Một lần, ở nhà một mình thấy ong trại không làm gì được, chỉ nhìn theo buồn không nói được.  + Cái buồn của đứa trẻ rộng lớn đến bao nhiêu, các thi sĩ văn nhân đã ai nói đến chưa?  + Nhìn ong trại đi, tưởng như một mảnh hồn tôi đã san đi nơi khác.  =>Buồn, yêu thương, luyến tiếc bầy ong với cả trái tim mình  - Nghệ thuật: so sánh =>nhấn mạnh nỗi buồn của nhân vật tôi.  **\* Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống: Giữ gìn, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, yêu thiên nhiên.** |

**Nội dung 3. Khái quát đặc trưng thể loại**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS

- Nhận biết, thông hiểu về đặc trưng của thể loại hồi kí qua văn bản.

**b) Nội dung**:

- Tìm hiểu đặc điểm hồi kí…thể hiện qua văn bản.

- Hs hoạt động nhóm nhận xét nghệ thuật kể chuyện.

**c) Sản phẩm:** HS rút ra đặc trưng thể loại trong văn bản:

- Ngôi kể thứ nhất.

- Kể lại những sự việc mà người viết trực tiếp tham dự trong quá khứ.

- Tác giả ghi chép lại những sự việc có thật đồng thời thể hiện những tâm sự, chiêm nghiệm của tác giả.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv cho hs trao đổi cặp đôi, phản biện

- Sử dụng kĩ thuật động não, phản biện về đặc trưng thể loại hồi kí

**B2. Thực hiện nhiêm vụ**

- Hs thực hiện.

**B3. Báo cáo thảo luận**

Hs chia sẻ kết quả cách hiểu của mình.

**B4. Kết luận, nhận định**

\* Gv nhận xét phần trình bày của học sinh và chốt kiến thức lên màn hình.

**3. Khái quát đặc trưng thể loại**

- Kết hợp giữa kể với miêu tả và biểu cảm

- Sử dụng các từ ngữ chỉ thời gian, không gian làm cho sự việc, cảm xúc của nhân vật xác thực hơn, phù hợp với tâm lí lứa tuổi.

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

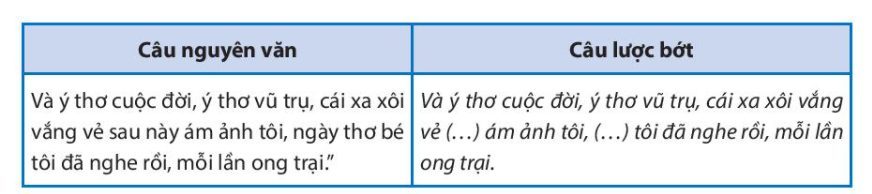
1. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào bài tập cụ thể.
2. **Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao.
3. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d.Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS suy nghĩ cá nhân, trả lời câu hỏi:

Câu 1: Đọc câu văn “Và ý thơ cuộc đời, ý thơ vũ trụ, cái xa xôi vắng vẻ sau này ám ảnh tôi, ngày thơ bé tôi đã nghe rồi, mỗi lần ong trại” và trả lời câu hỏi: Có thể bỏ bớt cụm từ  “sau này” hoặc “ngày thơ bé” được không? Vì sao? Từ đó nêu tác dụng của việc sử dụng các cụm từ chỉ thời gian trong hồi kí?



Câu 2: Đọc “Thương nhớ bầy ong”, có bạn khẳng định rằng nhân vật cậu bé xưng “tôi”, trong văn bản chính là tác giả Huy Cận, một số bạn khác lại cho là không phải như vậy. Cho biết ý kiến của em về các nhận định trên.

**B2. Thực hiện nhiệm vụ**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời các câu hỏi

**B3. Báo cáo thảo luận**

- HS trình bày, HS khác nhận xét, bổ sung.

**B4. Kết luận, nhận định** GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**

Từ những tri thức đã được học qua văn bản, vận dụng thêm những kinh nghiệm của bản thân, kiến thức, kĩ năng để thực hiện nhiệm vụ viết đoạn.

**b. Nội dung**

HS ghi lại cảm xúc của bản thân khi phải rời xa một đồ vật, con vật nuôi.

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

**\* Hoạt động của thầy và trò**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV giao nhiệm vụ (BTVN): Viết 1 đoạn văn kể về cảm xúc của em khi phải rời xa một thứ đồ vật, con vật nuôi.

**B2. Thực hiện nhiệm vụ**

GV hướng dẫn HS xác định nhiệm vụ và viết bài.

HS đọc, xác định yêu cầu của bài tập và thực hiện bài viết

**B3. Báo cáo thảo luận**

GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.

HS nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn. (*Qua Zalo hoặc Gmail*) - HS ghi điểm cho HS.

**B4. Kết luận, nhận định**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có)).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau:

+ Đọc kĩ lại văn bản và nắm chắc nội dung, nghệ thuật đặc sắc của văn bản.

+ Tập ghi chép lại những kỉ niệm đáng nhớ của bản thân qua cuốn nhật kí nhỏ.

+ Đọc trước và soạn Văn bản: “***Đánh thức trầu***”

**Tiết 62.**

**Đọc kết nối chủ điểm:**

**ĐÁNH THỨC TRẦU**

**(“Góc sân và khoảng trời”)**

**– *Trần Đăng Khoa*–**

**I. MỤC TIÊU**

***1.Kiến thức***

- Vận dụng kĩ năng đọc để nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ trong văn bản.

- Liên hệ, kết nối với văn bản *Lao xao ngày hè, Thương nhớ bầy ong* để hiểu hơn về chủ điểm *Trò chuyện cùng thiên nhiên*.

***2. Năng lực***

**\* Năng lực chung**

*Năng lực tự chủ và tự học*: tự nghiên cứu bài ở nhà; hoàn thành các phiếu học tập; chia sẻ, thảo luận, đánh giá qua các hoạt động nhóm.

*Năng lực giao tiếp và hợp tác*: có thái độ chừng mực trong giao tiếp; biết sống hòa hợp với người khác; phát triển khả năng làm việc nhóm.

*Năng lực giải quyết vấn đề:* phối hợp, vận dụng những kinh nghiệm của bản thân, kiến thức, kĩ năng để giải quyết các tình huống trong học tập.

\* **Năng lực riêng biệt:**

*Năng lực ngôn ngữ:* Có khả năng diễn đạt các vấn đề trôi chảy.

*Năng lực thẩm mĩ*: HS khám phá, thưởng thức, rung cảm về những cái đẹp qua văn bản.

***3. Phẩm chất:***

- Yêu thiên nhiên, yêu thương con người.

- Giữ gìn, nâng niu, bảo vệ thiên nhiên.

**\* Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống: Giữ gìn, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, yêu thiên nhiên.**

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

* SGK, SGV, KHBD
* Máy tính, ti vi, tranh ảnh về tác giả Trần Đăng Khoa và văn bản “Đánh thức trầu”
* Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.
* Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

1. **Mục tiêu**

Kết nối tri thức, dẫn dắt học sinh nhận biết mục tiêu văn bản.

Tạo hứng khởi cho cho sinh trước khi vào bài mới.

1. **Nội dung**

- GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh, trả lời câu hỏi của GV.

- HS quan sát các hình ảnh trên màn chiếu suy nghĩ cá nhân và trả lời.

1. **Sản phẩm:**

- HS chia sẻ được cảm xúc của cá nhân (định hướng mở)

1. **Tổ chức thực hiện**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu HS nhìn vào hình ảnh và đoán xem: Đây là cây gì? Người ta sử dụng lá cây này để làm gì?

|  |  |
| --- | --- |
|  | Lá trầu không điều trị bệnh gì? Ăn trầu có tác dụng gì? |

**B2. Thực hiện nhiệm vụ**

HS nêu suy nghĩ cá nhân.

GV hướng dẫn HS quan sát.

**B3. Báo cáo thảo luận**

GV:

- Yêu cầu cá nhân trình bày.

- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

HS:

- Trả lời câu hỏi của GV.

- Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

**B4. Kết luận, nhận định**

Gv nhận xét câu trả lời của Hs và kết nối vào phần kiến thức mới: Dân gian ta có câu “Miếng trầu là đầu câu chuyện” để khẳng định những giá trị văn hóa truyền thống, một tục lệ đã có từ ngàn đời nay. Lá trầu, quả cau hòa quyện tạo thành miếng trầu đỏ thắm mà các bà, các mẹ vẫn ăn. Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu những vần thơ của Trần Đăng Khoa về lá trầu không.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1. Tìm hiểu văn bản**

**Nhiệm vụ 1. Trải nghiệm cùng văn bản**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **a. Mục tiêu:** Giúp HS  - Đọc tích cực văn bản.  - Biết được những thông tin cơ bản về tác giả và bài thơ.  **b. Nội dung**:  - Gv hỏi thông tin chung về tác giả, tác phẩm.  - Hs trả lời dựa vào phần đã chuẩn bị ở nhà.  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  - Tác giả Trần Đăng Khoa.  - Tác phẩm: Thể loại, xuất xứ, ngôi kể, bố cục   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | **Cách hiểu của em** | **Trao đổi với bạn** | **Kết luận của giáo viên** | | **Thể loại** |  |  | Thơ 5 chữ | | **Xuất xứ** |  |  | Trích “Góc sân và khoảng trời” | | **Bố cục** |  |  | 2 phần:  + Phần 1: Khổ thơ đầu =>Lời hát của bà.  + Phần 2: phần còn lại =>Lời gọi trầu của em bé. |   **d. Tổ chức thực hiện**  - GV sử dụng kĩ thuật tia chớp, dạy học dự án.  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Gv cho hs trình bày thông tin về tác giả, tác phẩm.  **B2. Thực hiện nhiêm vụ**  Hs đọc văn bản và trình bày thông tin vào phiếu học tập.  **B3. Báo cáo thảo luận**  GV gọi HS trình bày, HS khác nhận xét, bổ sung.  **B4. Kết luận, nhận định**  GV bổ sung: Từ nhỏ, ông đã được nhiều người cho là thần đồng thơ văn. Lên 8 tuổi, ông đã có thơ được đăng báo. Năm [1968](https://vi.wikipedia.org/wiki/1968), khi mới 10 tuổi, tập thơ đầu tiên của ông: Từ góc sân nhà em (tập thơ tiếp theo là [Góc sân và khoảng trời](https://vi.wikipedia.org/wiki/G%C3%B3c_s%C3%A2n_v%C3%A0_kho%E1%BA%A3ng_tr%E1%BB%9Di)) được [nhà xuất bản Kim Đồng](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_xu%E1%BA%A5t_b%E1%BA%A3n_Kim_%C4%90%E1%BB%93ng) xuất bản. Có lẽ tác phẩm nhiều người biết đến nhất của ông là bài thơ "[Hạt gạo làng ta](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=H%E1%BA%A1t_g%E1%BA%A1o_l%C3%A0ng_ta&action=edit&redlink=1)", sáng tác năm 1968, được thi sĩ [Xuân Diệu](https://vi.wikipedia.org/wiki/Xu%C3%A2n_Di%E1%BB%87u) hiệu đính, sau được nhạc sĩ [Trần Viết Bính](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Tr%E1%BA%A7n_Vi%E1%BA%BFt_B%C3%ADnh&action=edit&redlink=1) phổ nhạc.  Gv nhận xét câu trả lời của học sinh và chốt kiến thức lên màn hình. |
| **I. Trải nghiệm cùng văn bản**  **1. Đọc văn bản**  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  - Trần Đăng Khoa (1958), quê ở Hải Dương.  - Ông được mệnh danh là “thần đồng thơ văn”, có nhiều sáng tác thơ hay dành cho thiếu nhi. |
| **b. Tác phẩm:**  - Thể loại: 5 chữ.  - Xuất xứ: bài thơ được trích từ tập Góc sân và khoảng trời (1999)  - Bố cục: 2 phần  + Phần 1: Khổ thơ đầu => Lời hát của bà.  + Phần 2: phần còn lại => Lời gọi trầu của em bé. |

**Nhiệm vụ 2. Suy ngẫm và phản hồi**

**Nội dung 1. Lời hát của bà**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS

- Tìm hiểu được nghĩa trong lời bài hát của bà

**b) Nội dung**:

- GV sử dụng kỹ thuật đặt câu hỏi

- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Cách xưng hô “ mày” - “tao” thân quen, gần gũi.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

HS đọc khổ thơ 1:

? Đây là lời của ai nói với ai?

? Em có nhận xét gì về cách nói đó?

? Chỉ ra những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong khổ thơ và nêu tác dụng?

**B2. Thực hiện nhiêm vụ**

- Làm việc cá nhân 2 phút, ghi kết quả ra phiếu cá nhân.

- Thảo luận nhóm 5 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập nhóm (phần việc của nhóm mình làm).

GV hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần).

**B3. Báo cáo thảo luận**

GV:- Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.

- Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).

HS:- Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm.

- Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.

**B4. Kết luận, nhận định**

|  |
| --- |
| - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.  - GV bình: Với quan niệm hồn nhiên của con trẻ, lại từng thuộc làu làu câu hát của bà khi muốn hái trầu đêm, Trần Đăng Khoa đã đánh thức trầu bằng một lối riêng – lối của những chú bé bạn bè đồng trang đồng lứa. Câu hát của bà em là câu hát để hái trầu đêm của người lớn. Dù có quan hệ bình đẳng (người này là chúa của người kia và ngược lại) thì cái ý thức làm chúa để muốn hái lúc nào thì hái- vẫn là chủ yếu trong mối quan hệ ấy. Câu hát của bà như là chiếc cầu nối quá khứ vào hiện tại, làm rõ thêm mối quan hệ mới hồn nhiên và thật sự bình đẳng, mến thân của Trần Đăng Khoa với bạn Trầu.  - Chốt kiến thức lên màn hình.  **II. Suy ngẫm và phản hồi**  **1. Lời hát của bà**  - Lời của em bé với trầu qua cách xưng hô “tao”- “mày”  - Nghệ thuật: nhân hóa, điệp từ  => Thể hiện sự thân mật, coi thiên nhiên như người bạn. |

**Nội dung 2. Lời gọi của cậu bé với trầu**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS

- Thấy được tình cảm của cậu bé đối với trầu và với người thân.

- Thấy được cách đối xử với cây cối trong vườn của người dân quê.

**b) Nội dung**:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động nhóm cho HS.

- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần)

**c) Sản phẩm:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Từ ngữ | Nhận xét |
| Thời điểm đánh thức | Buổi tối |  |
| Cách xưng hô | Mày, tao | Mộc mạc, gần gũi |
| Lí do đánh thức | Bà vừa đến, muốn có mấy lá trầu |  |
| Lời đánh thức | -Đã ngủ rồi hả trầu?  -Trầu oi hãy tỉnh lại!  Mở mắt xanh ra nào  -Đã dậy chưa hả trầu? | Nhẹ nhàng, thân thiết giống như người bạn |
| Mong muốn khi đánh thức | -Mong trầu tỉnh lại, nghe được, thấy được, cho xin vài lá trầu  -Trầu đừng lụi tàn | Tôn trọng, nâng niu, bảo vệ trầu |
| Nghệ thuật sử dụng trong 3 khổ thơ, tác dụng | Nhân hóa, điệp từ |  |
| Tình cảm của cậu bé với trầu | -Với bà và mẹ: Yêu thương  Với cây trầu: Yêu thương, trân trọng, nâng niu, bảo vệ | | |

**d) Tổ chức thực hiện**

GV sử dụng phiếu học tập, kĩ thuật động não, phản biện.

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- Chia nhóm.

- Phát phiếu học tập & giao nhiệm vụ: Đọc khổ thơ thứ 2,3,4 và hoàn thành phiếu học tập số 2

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Từ ngữ | Nhận xét |
| Thời điểm đánh thức |  |  |
| Cách xưng hô |  |  |
| Lí do đánh thức |  |  |
| Lời đánh thức |  |  |
| Mong muốn khi đánh thức |  |  |
| Nghệ thuật sử dụng trong 3 khổ thơ, tác dụng |  |  |
| Tình cảm của cậu bé với trầu | -Với bà và mẹ:  -Với cây trầu: | |

**B2. Thực hiện nhiêm vụ**

HS 4 nhóm trình bày sản phẩm, HS nhóm khác nhận xét, góp ý.

**B3. Báo cáo thảo luận**

HS tích cực trả lời, HS khác đánh giá, phát vấn, phản biện.

**B4. Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét sản phẩm của nhóm, cá nhân.

- GV bình giảng: Để hái lá trầu giữa đêm cho bà, cậu bé đã nhẹ nhàng ra vườn đánh thức lá trầu dậy bằng những câu gọi nhẹ nhàng, tha thiết. Trong câu hỏi đó vừa thân mật lại vừa có một tí so sánh, một tí lí sự rất trẻ con: Đã ngủ rồi hả trầu? Tao đã đi ngủ đâu Mà trầu mày đã ngủ (Mày và tao cùng là trẻ con, cùng chơi ban ngày, vậy sao mày đi ngủ sớm thế). Những lời gọi, “lời xin” cũng rất nhẹ nhàng, thể hiện sự trân trọng, biết ơn với trầu chứ không phải thò tay giật lá. Và rồi, cậu bé cũng rất quý, rát thương trầu: Đừng lụi đi trầu ơi! Hái trầu đêm dễ làm trầu lụi. Vậy nên phải đánh thức, phải nói rõ lí do, phải hái rất khẽ, và chỉ hái vài lá vừa đủ cho bà và cho mẹ.

**\* Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống: Giữ gìn, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, yêu thiên nhiên.**

- Chốt kiến thức lên màn hình.

**Nội dung 3. Khái quát đặc trưng thể loại**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS

- Nhận biết, thông hiểu về đặc trưng của thể loại qua văn bản.

**b) Nội dung**:

- Tìm hiểu đặc điểm thể thơ thể hiện qua văn bản.

- Hs hoạt động nhóm nhận xét nghệ thuật.

**c) Sản phẩm:** HS rút ra đặc trưng thể loại trong văn bản:

Lời thơ nhẹ nhàng kết hợp nghệ thuật nhân hóa, câu hỏi tu từ thể hiện tình cảm của cậu bé với lá trầu.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv cho hs trao đổi cặp đôi, phản biện

- Sử dụng kĩ thuật động não, phản biện về đặc trưng thể loại.

**B2. Thực hiện nhiêm vụ**

- Hs thực hiện.

**B3. Báo cáo thảo luận**

Hs chia sẻ kết quả cách hiểu của mình.

**B4. Kết luận, nhận định**

\* Gv nhận xét phần trình bày của học sinh và chốt kiến thức lên màn hình.

**3. Khái quát đặc trưng thể loại**

Lời thơ nhẹ nhàng kết hợp nghệ thuật nhân hóa, câu hỏi tu từ thể hiện tình cảm của cậu bé với lá trầu. => Bài thơ là lời đánh thức trầu để xin hái lá cho bà vào đêm khuya. Qua đó thể hiện sự trân trọng, nâng niu, yêu quý của người dân quê với thiên nhiên và nét hồn nhiên, đáng yêu của trẻ thơ.

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

1. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào bài tập cụ thể.
2. **Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao.
3. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d.Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS suy nghĩ cá nhân, trả lời câu hỏi:

**Câu 1:** Bài thơ của tác giả nào?

1. Nguyễn Đình Thi B. Trần Đăng Khoa

C. Đỗ Trung Quân D. Phạm Hổ

**Câu 2:** Tại sao cậu bé khi hái trầu vào đêm, phải gọi cho trầu tỉnh ngủ rồi mới xin “hái vài lá”?

1. Vì cậu vâng lời dặn của bà và mẹ B. Vì sợ trầu bị lụi

C. Vì tôn trọng cây cối trong vườn D. Tất cả đều đúng.

**Câu 3:** Lời trong câu hát của bà “mày làm chúa tao/tao làm chúa mày” theo em **không** mang ý nghĩa nào sau đây?

1. Trầu và người bình đẳng
2. Hai bên cùng tôn trọng, quý mến nhau
3. Con người là chúa tể muôn loài
4. Con người và loài vật đều ngang hàng, dựa vào nhau mà sống.

**B2. Thực hiện nhiệm vụ**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời các câu hỏi: **1B-2D-3C**

**B3. Báo cáo thảo luận**

- HS trình bày, HS khác nhận xét, bổ sung.

**B4. Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**

Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung**

Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

**\* Hoạt động của thầy và trò**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS: Từ câu hát của người bà “Trẩu trẩu trầu trầu/ Mày làm chúa tao/ Tao làm chúa mày”… cũng như lời “đánh thức trầu” của cậu bé trong bài thơ, em nghĩ thế nào về quan niệm “con người là chúa tể của muôn loài”?

**B2. Thực hiện nhiệm vụ**

GV hướng dẫn HS xác định nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành BT.

**B3. Báo cáo thảo luận**

GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.

HS nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn. (*Qua Zalo hoặc Gmail*) - HS ghi điểm cho HS.

**B4. Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức bài học.

GV nhận xét: Quan niệm “con người là chúa tề cùa muôn loài” không phải là quan niệm cùa người dân quê. Đó là một quan niệm không công bằng, dẫn đến những tác hại đối với các loài cây, loài con và môi trường sống. Con người nói chung và mỗi một chứng ta nên học tập cách úng xử cùa cận bé, bà và mẹ cậu bé cũng như những người dân quê khác, để chung sống bền lâu với thiên nhiên.

…………………………………………

**Tiết 63-64.**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT  
 (ẨN DỤ, HOÁN DỤ)**

**I. MỤC TIÊU**

***1.Kiến thức***

- Định nghĩa, cơ chế hoạt động của các biện pháp tu từ ẩn dụ và hoán dụ.

- Tác dụng của ẩn dụ và hoán dụ trong thực tế sử dụng Tiếng Việt.

- Biết cách vận dụng được các biện pháp tu từ trên khi nói và viết.

***2. Năng lực***

**a. Năng lực chung:**  Năng lực tự học, giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Nhận biết được biện pháp tu từ ẩn dụ, hoán dụ;

- Hiểu, phân tích, đánh giá được tác dụng của chúng;

- Vận dụng được biện pháp tu từ trên khi nói và viết;

- Phân biệt, đánh giá được sự khác biệt của biện pháp tu từ ẩn dụ và hoán dụ với các biện pháp tu từ đã học.

***3. Phẩm chất:***

- Chăm chỉ học tập.

- Yêu thiên nhiên.

- Yêu nước- yêu ngôn ngữ tiếng nói dân tộc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

* SGK, SGV, KHBD
* Máy tính, ti vi.
* Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.
* Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

1. **Mục tiêu**

- Nắm kiến thức đã học về 2 biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa ở các bài trước; tạo hứng thú, tâm thế cho học sinh;

- Hiểu được đơn vị kiến thức bài học mới về biện pháp tu từ: Ẩn dụ và hoán dụ qua việc tạo tình huống/vấn đề học tập.

1. **Nội dung**

- GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh, trả lời câu hỏi của GV.

- HS quan sát các hình ảnh trên màn chiếu suy nghĩ cá nhân và trả lời.

1. **Sản phẩm:**

|  |  |
| --- | --- |
| Hình 1: So sánh    Hình 2: Nhân hóa    Hình 3: So sánh | Hình 4: Nhân hóa    Hình ảnh 5: Ẩn dụ    Hình ảnh 6: Hoán dụ |

1. **Tổ chức thực hiện**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gợi mở, nhắc lại kiến thức đã học về biện pháp tu từ qua trò chơi “Ai nhanh hơn!”:

? Tìm nhanh biện pháp tu từ được sử dụng trong 4 hình ảnh 1,2,3,4 tương ứng.

- Giao nhiệm vụ:

? Quan sát hình ảnh, thông tin chứa trong từng hình ảnh và nêu tên biện pháp tu từ đã học tương ứng?

- Hình 5 và 6: Đây là biện pháp tu từ nào? Chúng có đặc điểm, tác dụng ra sao chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài mới.

**B2. Thực hiện nhiệm vụ**

HS nhớ lại những nội dung nhận biết về các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa đã học.

GV hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.

**B3. Báo cáo thảo luận**

GV:

- Yêu cầu cá nhân trình bày.

- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

HS:

- Trả lời câu hỏi của GV.

- Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

**B4. Kết luận, nhận định**

- Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.

- Chốt kiến thức lên màn hình.

- Chuyển dẫn sang nội dung bài học mới: Hình ảnh 5 và 6 biện pháp tu từ ẩn dụ và hoán dụ.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1. Tìm hiểu tri thức tiếng Việt**

**Nội dung 1. Ẩn dụ**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS

- Nhận biết được khái niệm, cơ chế hoạt động, tác dụng của biện pháp ẩn dụ và hoán dụ.

- Vận dụng được biện pháp tu từ khi viết và khi nói.

**b) Nội dung**:

- GV chia nhóm cặp đôi

- HS làm việc cá nhân 2’, thảo luận 3’ và hoàn thiện nhiệm vụ nhóm.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS: cụm từ “Người Cha” chỉ cho Bác. Bởi giữa Bác và Người Cha có điểm tương đồng với nhau.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- Yêu cầu Hs dựa vào phần Tri thức tiếng Việt hoàn thiện Phiếu học tập.

- Cho HS xét ví dụ:   
+ Hãy quan sát ví dụ sau và trả lời câu hỏi:

Anh đội viên nhìn Bác  
Càng nhìn lại càng thương  
Người Cha mái tóc bạc  
Đốt lửa cho anh nằm

+ Trong đoạn thơ, cụm từ "Người Cha" dùng để chỉ ai?

+ Vì sao có thể dùng "Người Cha" để chỉ Bác Hồ?

+ Nếu không đặt câu thơ đó trong văn cảnh (bài thơ) liệu chúng ta có hiểu "Người Cha" là ai không?

**B2. Thực hiện nhiêm vụ**

- GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của câu hỏi.

- HS suy nghĩ, trả lời ví dụ đã cho.

**B3. Báo cáo thảo luận**

- GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.

- HS báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm.

**B4. Kết luận, nhận định**

- Chốt kiến thức lên màn hình.

|  |
| --- |
| 1. **Tri thức tiếng Việt** 2. **Ẩn dụ**   - Khái niệm: Ẩn dụ là gọi tên sự vật, sự việc này bằng tên sự vật, sự việc khác có nét tương đồng nhằm tăng tính gợi hình, gợi cảm cho diễn đạt.  VD:  ”Anh đội viên nhìn Bác Càng nhìn lại càng thương Người Cha mái tóc bạc Đốt lửa cho anh nằm”  - Người cha: để chỉ Bác Hồ  - Mục đích: Thể hiện tình cảm của Bác Hồ với các anh bộ đội như tình cha con; Tình cảm kính yêu, biết ơn của các chiến sĩ với Bác. |

**Nội dung 2. Hoán dụ**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS

- Nhận biết được khái niệm, cơ chế hoạt động, tác dụng của biện pháp ẩn dụ và hoán dụ.

- Đặt được câu có sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ, hoán dụ.

**b) Nội dung**:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động nhóm cho HS.

- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần)

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS

Người nông dân và công nhân ( sự vật được chỉ)

+ Người nông dân mặc áo nâu (dấu hiệu sự vật)

+ Người công nhân mặc áo xanh  
+ Nơi ở người nông dân- nông thôn

+ Nơi ở người công nhân - thị thành

**d) Tổ chức thực hiện**

GV sử dụng phiếu học tập, kĩ thuật động não, phản biện.

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu HS đọc ví dụ

**Áo nâu** cùng với **áo xanh**

**Nông thôn**cùng với **thị thành** đứng lên.

- GVchú ý HS các từ in đậm: áo nâu, áo xanh

- GV đặt câu hỏi:

+ Nếu tách các từ **áo nâu, áo xanh** ra khỏi câu thơ thì chúng có ý nghĩa như thế nào?

+ Trong câu thơ trên, những từ ngữ đó chỉ đối tượng nào?Vì sao?

+ Như vậy giữa áo nâu và áo xanh với người nông dân và công nhân có mối quan hệ?

+ Em nhận xét gì về cách gọi tên của các sự vật đó?

**B2. Thực hiện nhiêm vụ**

HS 4 nhóm trình bày sản phẩm, HS nhóm khác nhận xét, góp ý.

**B3. Báo cáo thảo luận**

HS tích cực trả lời, HS khác đánh giá, phát vấn, phản biện.

**B4. Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét sản phẩm của nhóm, cá nhân.

- GV bình giảng: Để hái lá trầu giữa đêm cho bà, cậu bé đã nhẹ nhàng ra vườn đánh thức lá trầu dậy bằng những câu gọi nhẹ nhàng, tha thiết. Trong câu hỏi đó vừa thân mật lại vừa có một tí so sánh, một tí lí sự rất trẻ con: Đã ngủ rồi hả trầu? Tao đã đi ngủ đâu Mà trầu mày đã ngủ (Mày và tao cùng là trẻ con, cùng chơi ban ngày, vậy sao mày đi ngủ sớm thế). Những lời gọi, “lời xin” cũng rất nhẹ nhàng, thể hiện sự trân trọng, biết ơn với trầu chứ không phải thò tay giật lá. Và rồi, cậu bé cũng rất quý, rát thương trầu: Đừng lụi đi trầu ơi! Hái trầu đêm dễ làm trầu lụi. Vậy nên phải đánh thức, phải nói rõ lí do, phải hái rất khẽ, và chỉ hái vài lá vừa đủ cho bà và cho mẹ.

- Chốt kiến thức lên màn hình.

|  |
| --- |
| **2. Hoán dụ**  - Khái niệm: Hoán dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có quan hệ gần gũi với nó.  VD: **Áo nâu** cùng với **áo xanh**  **Nông thôn**cùng với **thị thành** đứng lên. |

**Nội dung 3. So sánh ẩn dụ và hoán dụ**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS

- Nhận biết được khái niệm, cơ chế hoạt động, tác dụng của biện pháp ẩn dụ và hoán dụ.

- Vận dụng được biện pháp tu từ khi viết và khi nói.

**b) Nội dung**:

- GV chia nhóm cặp đôi

- HS làm việc cá nhân 2’, thảo luận 3’ và hoàn thiện nhiệm vụ nhóm.

**c) Sản phẩm:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PPTT** | **Ẩn dụ** | **Hoán dụ** |
| **Định nghĩa** | Gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác. | Gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác. |
| **Cơ chế hoạt động** | Dựa trên nét tương đồng với nó | Dựa trên quan hệ gần gũi với nó |
| **Tác dụng** | Làm tăng sức gọi hình, gọi cảm cho sự diễn đạt | Làm tăng sức gọi hình, gọi cảm cho sự diễn đạt |

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv cho hs trao đổi cặp đôi, hoàn thành phiếu học tập

**B2. Thực hiện nhiêm vụ**

- HS đọc lại nội dung phần “Tri thức tiếng Việt” về ẩn dụ và hoán dụ trong SGK/ 115, 116 và hoàn thiện phiếu học tập:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PPTT** | **Ẩn dụ** | **Hoán dụ** |
| **Định nghĩa** |  |  |
| **Cơ chế hoạt động** |  |  |
| **Tác dụng** |  |  |

- Suy nghĩ và hoàn thiện kết quả vào phiếu.

**B3. Báo cáo thảo luận**

Hs chia sẻ kết quả của mình. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

**B4. Kết luận, nhận định**

\* Gv nhận xét phần trình bày của học sinh và chốt kiến thức lên màn hình.

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào bài tập cụ thể.

**b. Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân, hoạt động nhóm làm bài tập của GV giao.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của học sinh thực hiện ở từng bài

**Bài 1/trang 121**

+ Giống: cả hai biện pháp đều dựa trên quan hệ liên tưởng tương đồng.

+ Khác:

So sánh có đủ hai vế A và B (cái được so sánh, cái dùng để so sánh và từ so sánh).

Ẩn dụ: chỉ có vế B (cái dùng để so sánh và từ so sánh).

**Bài 2/trang 121**

a. Phép ẩn dụ:

- Kẻ cắp: chỉ chim chèo bẻo

- Bà già: chỉ đối thủ kình địch của chim chèo bẻo (chính là chim diều hâu)

b. Nét tương đồng

- Giữa bà già và diều hâu: để chỉ sự lọc lõi, ác độc. (sự giống nhau dựa trên bản chất là xấu xa)

- Giữa chèo bẻo, kẻ cắp: ban đêm ngày mùa, thức đêm suốt để rình mò như kẻ cắp.

- Người có tội - người tốt: ẩn dụ chỉ chim chèo bẻo qua việc vây đánh diều hâu, lập công cứu gà con (dựa trên bản chất).

**Tác dụng của phép ẩn dụ:** làm tăng sức gợi hình , gợi cảm cho sự diễn đạt, khiến cho thế giới các loài chim hiện lên sinh động, bộc lộ được những đặc điểm giống như con người.

**Bài 3/trang 121**

a. cả làng xóm (lấy vật chứa để gợi vật được chứa ), chỉ người trong xóm

b. đõ ong (lấy vật chứa để gợi vật được chứa ), chỉ những con ong trong đõ

c. thành phố (lấy vật chứa để gợi vật được chứa ), chỉ người dân sống trong thành phố

d. nhà trong, nhà ngoài (lấy vật chứa để gợi vật được chứa ), chỉ những thân sống ở nhà trong và nhà ngoài

**Bài 4/trang 121**

- “Mắt xanh” gợi cho ta liên tưởng đến hình ảnh chiếc lá trầu giống đôi mắt con người

🡪 Phép ẩn dụ vì giữa mắt xanh và lá trầu có sự giống nhau về hình dáng, màu sắc. Hình ảnh cây trầu được cảm nhận qua cái nhìn sinh động, đáng yêu “cây trầu” giống như con người, cũng có mắt nhìn như người: khi ngủ nhắm mắt, tỉnh giấc thì mở mắt.

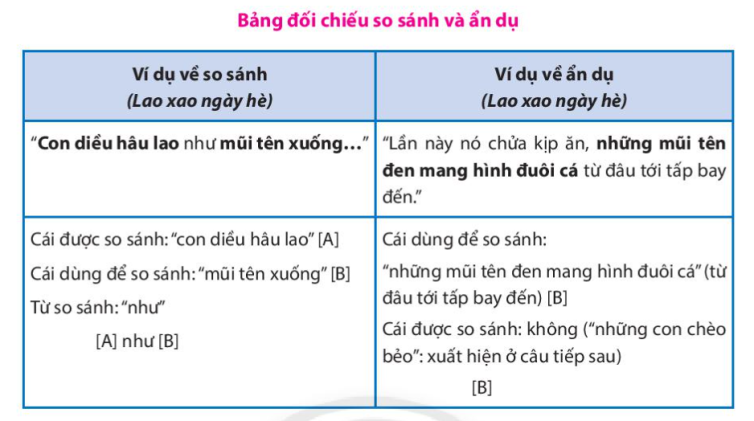
**d.Tổ chức thực hiện:**

**NV1: Bài tập 1**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV cho mỗi HS tìm ví dụ cho mỗi biện pháp tu từ (so sánh, ẩn dụ).

- GV làm mẫu thông qua ví dụ từ trong bài Lao xao ngày hè. Sau đó yêu cầu HS tự tìm thêm ví dụ trong VB.



- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

- GV củng cố lại kiến thức về từ loại cho HS.

**NV2: Bài tập 2**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV tổ chức hướng dẫn HS làm bài tập 2

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

**NV3: Bài tập 3**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS đọc bài tập 3. GV phân công HS làm theo nhóm

Nhóm 1: ý a

Nhóm 2: ý b

Nhóm 3: ý b

Nhóm 4: ý d

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

**NV4: Bài tập 4**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS đọc bài tập 4. GV yêu cầu HS tự suy nghĩ và đưa ra câu trả lời.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

GV giao bài tập về nhà cho HS: bài tập 5,6,7/trang 121

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**

Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung**

Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn.

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

**\* Hoạt động của thầy và trò**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn HS: Viết đoạn văn (khoảng 150 đến 200 chữ) nói về đặc điểm riêng của một loài cây hoa một con vật mà em yêu thích. Trong đoạn văn đó có sử dụng ít nhất một trong số các biện pháp ẩn dụ, nhân hóa, hoán dụ.

**B2. Thực hiện nhiệm vụ**

GV hướng dẫn HS xác định nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành BT.

**B3. Báo cáo thảo luận**

GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.

HS nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn. (*Qua Zalo hoặc Gmail*) - HS ghi điểm cho HS.

**B4. Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**Gợi ý: “**Hoa phượng vĩ trở thành biểu tượng của tuổi học trò, bởi hoa phượng nở cũng là lúc hè đến với tiếng ve râm ran khắp các con đường. Các cô cậu học trò sẽ sung sướng vì kì nghỉ dài sắp tới còn những cô cậu cuối cấp thì buồn buồn khi sắp phải xa nhau...Nàng hoa phượng khi chưa nở hình tròn, mọc thành từng chùm, màu xanh non nhìn giống như là quả của cây. Đầu tháng sáu, hoa phượng bắt đầu bung ra, nở rộ đỏ rực một góc trời. Những bông hoa phượng xòe ra năm cánh xếp đối xứng nhau, để lộ nhị hoa bên trong. Cánh hoa phượng hình dẻ quạt, mềm mại, đỏ thẫm. Bông hoa phượng nào cũng có một cái lá vô cùng đặc biệt mà người ta hay gọi là "lá sữa". Lá sữa màu trắng, viền màu đỏ, phía gần cuống lại hơi vàng, trên lá có những đường vạch màu đỏ như cố ý vẽ vào. Nhị hoa xòe ra bốn phía, màu đỏ, cong cong như đang làm duyên. Phượng ơi! Có Phượng, cả trường rực rỡ sắc thắm của ngày hè. Yêu lắm đốm lửa hồng ấy!”

……………………………………..

**Tiết 65.**

**Đọc mở rộng theo thể loại:**

**MỘT NĂM Ở TIỂU HỌC**

**(Trích “Hồi kí Nguyễn Hiến Lê”)**

**I. MỤC TIÊU**

***1.Kiến thức***

- Những nét tiêu biểu về tác giả Nguyễn Hiến Lê, tác phẩm “*Hồi kí Nguyễn Hiến Lê”* và văn bản.

- Người kể chuyện ở ngôi thứ nhất.

- Tính chất của hồi kí được thể hiện trong văn bản.

***2. Năng lực***

***a. Năng lực chung***

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

***b. Năng lực riêng biệt:***

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

***3. Phẩm chất:*** Yêu thương, trân trọng kỉ niệm tuổi thơ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

* SGK, SGV, KHBD
* Máy tính, ti vi, tranh ảnh về tác giả Nguyễn Hiến Lê và văn bản “Một năm ở Tiểu học”
* Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.
* Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

1. **Mục tiêu**

Kết nối tri thức, dẫn dắt học sinh nhận biết mục tiêu văn bản.

Tạo hứng khởi cho cho sinh trước khi vào bài mới.

1. **Nội dung:** GV hỏi, HS trả lời.
2. **Sản phẩm:**

- HS chia sẻ được cảm xúc của cá nhân (định hướng mở)

**d. Tổ chức thực hiện**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV đặt câu hỏi gợi mở vấn đề: Trong những năm học Tiểu học, em có kỉ niệm đáng nhớ nhất nào không? Hãy kể lại cho các bạn cùng nghe.

**B2. Thực hiện nhiệm vụ**

HS nêu suy nghĩ cá nhân.

GV hướng dẫn HS quan sát.

**B3. Báo cáo thảo luận**

GV:

- Yêu cầu cá nhân trình bày.

- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

HS:

- Trả lời câu hỏi của GV.

- Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

**B4. Kết luận, nhận định**

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1. Tìm hiểu văn bản**

**Nhiệm vụ 1. Trải nghiệm cùng văn bản**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **a. Mục tiêu:** Giúp HS  - Đọc tích cực văn bản.  - Biết được những thông tin cơ bản về tác giả và bài thơ.  **b. Nội dung**:  - Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin.  - GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  - Tác giả Nguyễn Hiến Lê  - Tác phẩm: Thể loại, xuất xứ, ngôi kể, bố cục   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | **Cách hiểu của em** | **Trao đổi với bạn** | **Kết luận của giáo viên** | | **Thể loại** |  |  | Hồi kí | | **Xuất xứ** |  |  | Trích “Hồi kí Nguyễn Hiến Lê” | | **Bố cục** |  |  | 3 phần  + P1 (Từ đầu … phồng ở trước bụng): Mẹ trong hồi ức  + P2 (Tiếp … đổi cuối khác): Những kỉ niệm một năm ở tiểu học.  + P3: (còn lại): Cảm xúc và suy nghĩ của tác giả. |   **d. Tổ chức thực hiện**  - GV sử dụng kĩ thuật tia chớp, dạy học dự án.  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  HS trình bày thông tin về tác giả, tác phẩm.  - Chia nhóm lớp, giao nhiệm vụ:  ? “Hồi kí của Nguyễn Hiến Lê” thuộc thể loại nào? Dựa vào đâu em nhận ra điều đó?  ? Văn bản sử dụng ngôi kể nào? Dựa vào đâu em nhận ra ngôi kể đó? Lời kể của ai?  ? Văn bản chia làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?  **B2. Thực hiện nhiêm vụ**  HS:  - Đọc văn bản  - Làm việc nhóm 5’  HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào phiếu học tập.  GV:  - Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần).  - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.  **B3. Báo cáo thảo luận**  GV gọi HS trình bày, HS khác nhận xét, bổ sung.  **B4. Kết luận, nhận định**  Gv nhận xét câu trả lời của học sinh và chốt kiến thức lên màn hình. |
| **I. Trải nghiệm cùng văn bản**  **1. Đọc văn bản**  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  - Nguyễn Hiến Lê (1912 – 1984)  - Ông là học giả, n[hà văn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_v%C4%83n), [dịch giả](https://vi.wikipedia.org/wiki/D%E1%BB%8Bch_gi%E1%BA%A3), [nhà ngôn ngữ học](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_ng%C3%B4n_ng%E1%BB%AF_h%E1%BB%8Dc), nhà giáo dục và hoạt động văn hóa độc lập Việt Nam.  - Có 120 tác phẩm thuộc nhiều lĩnh vực.  - Các tác phẩm chính: Hồi kí Nguyễn Hiến Lê, Đắc nhân tâm (dịch), Quẳng gánh lo đi mà vui sống (dịch), Các cuộc đời ngoại hạng (dịch)… |
| **b. Tác phẩm:**  - Thể loại hồi kí.  - Sử dụng ngôi thứ nhất (lời kể của tác giả - xưng “tôi”).  - Văn bản chia làm 3 phần  + P1 (Từ đầu … phồng ở trước bụng): Mẹ trong hồi ức  + P2 (Tiếp … đổi cuối khác): Những kỉ niệm một năm ở tiểu học.  + P3: (còn lại): Cảm xúc và suy nghĩ của tác giả. |

**Nhiệm vụ 2. Suy ngẫm và phản hồi**

**Nội dung 1. Hình ảnh mẹ trong hồi ức**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS

- Tìm được những chi tiết nói mẹ trong hồi ức, từ đó, lí giải vì sao nhân vật “tôi” có thể bỏ bê việc học trong suốt một năm học.

**b) Nội dung**:

- GV sử dụng KT trình bày 1 phút.

- HS làm việc cá nhân.

**c) Sản phẩm:** Những chi tiết về hình ảnh người mẹ ít học, lam lũ, vất vả (đoạn đầu)

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

GV đặt câu hỏi:

? Tìm những chi tiết miêu tả người mẹ trong hồi ức của tác giả.

? Nhận xét về cách sử dụng từ ngữ.

? Em thấy đây là người mẹ như thế nào?

**B2. Thực hiện nhiêm vụ**

- Làm việc cá nhân 2 phút và trả lời

**B3. Báo cáo thảo luận**

GV:

- Yêu cầu HS lên trình bày.

- Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).

HS:

- HS trình bày câu trả lời.

- Các HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bạn.

**B4. Kết luận, nhận định**

|  |
| --- |
| - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS.  - Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang mục 2  - Chốt kiến thức lên màn hình.  **II. Suy ngẫm và phản hồi**  **1. Hình ảnh mẹ trong hồi ức**  - Chi tiết:  + Đi từ sáng sớm, tối mịt mới về  + Không biết chữ  + Đầu năm đưa tiền mua sách vở, cuối năm hỏi có được lên lớp không  + Mẹ có ruột tượng dài, đựng xu đồng và trinh, phồng trước bụng.  (kể kết hợp với tả)  => Hình ảnh người mẹ ít học, lam lũ, vất vả. |

**Nội dung 2. Những kỉ niệm của một năm ở tiểu học**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS

- Tìm được chi tiết kể về những kỉ niệm một năm ở tiểu học

- Rút ra bài học cho bản thân từ nội dung bài học.

**b) Nội dung**:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động nhóm cho HS.

- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần)

**c) Sản phẩm:**

\* Nhóm 1:

*-* Ngày đi học: đi học đều, không trốn buổi nào nhưng đi sớm, về trễ.

- Mỗi tối:

+ Chơi ở cột đồng hồ, giữa ngã năm, bên bờ sông

+ Ra bờ sông leo lên những đống hàng, hóng gió

+ Về nhà lúc có tiếng rao “bánh giầy, bánh giò”

\* Nhóm 2:

Ngày nghỉ:

+ Ra ngõ, ra Bờ Sông chơi với trẻ con trong xóm.

+ Lấy truyện *Thạch Sanh, Phạm Công Cúc Hoa* của bố, ngồi đọc cho cả bọn nghe.

\* Nhóm 3:

Mùa đông: Đọc truyện Tàu cho cả nhà trong, nhà ngoài nghe

=> Nghệ thuật:

+ Kể kết hợp với tả.

+ Từ ngữ gợi hình, gợi cảm, từ láy, động từ, tính từ

+ Kết hợp ngôi kể: tôi và chúng tôi

=> Những kỉ niệm tuổi thơ đẹp đẽ, hồn nhiên, tinh nghịch.

**d) Tổ chức thực hiện**

GVcho HS hoạt động nhóm.

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- Chia nhóm.

- Giao nhiệm vụ:

+ Nhóm 1. Tìm những chi tiết kể về việc làm của nhân vật tôi mỗi tối.

+ Nhóm 2: Vào ngày nghỉ, nhân vật tôi làm gì?

+ Nhóm 3: Tìm các chi tiết kể về việc làm của nhân vật tôi vào mùa đông.

+ Nhóm 4: Em có nhận xét gì về cách kể, hình thức kể của tác giả

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS: 5 phút thảo luận nhóm.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

GV:

- Yêu cầu HS trình bày.

- Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).

HS  
- Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm.

- Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm.

- Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang mục sau.

|  |
| --- |
| **2. Những kỉ niệm của một năm ở tiểu học**  *-* Ngày đi học: đi học đều, không trốn buổi nào nhưng đi sớm, về trễ.  - Mỗi tối: đi chơi khuya mới về.  - Ngày nghỉ: Ra ngõ chơi, lấy truyện ngồi đọc.  - Mùa đông: Đọc truyện Tàu cho cả nhà trong, nhà ngoài nghe  => Nghệ thuật:  + Kể kết hợp với tả.  + Từ ngữ gợi hình, gợi cảm, từ láy, động từ, tính từ  + Kết hợp ngôi kể: tôi và chúng tôi  => Những kỉ niệm tuổi thơ đẹp đẽ, hồn nhiên, tinh nghịch. |

**Nội dung 3. Những suy ngẫm hiện tại**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS

- Tìm hiểu những suy nghĩ của nhân vật tôi hiện tại

- Rút ra bài học cho bản thân từ nội dung bài học.

**b) Nội dung**:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, PP vấn đáp.

- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần)

**c) Sản phẩm:** hiểu được cái được cái mất của một năm đó.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

**?** Nhân vật tôi đã có những suy ngẫm như thế nào khi nghĩ về những kỉ niệm một năm ở tiểu học.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS:

- Làm việc cá nhân (đọc SGK, tìm chi tiết)

- HS trình bày cá nhân, HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho bạn.

GV: Hướng theo dõi, quan sát, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).

**B3: Báo cáo, thảo luận**

GV:

- Yêu cầu HS báo cáo, nhận xét, đánh giá.

- Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).

HS:

- Đại diện lên báo cáo sản phẩm của nhóm mình.

- Nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

\* Gv nhận xét phần trình bày của học sinh và chốt kiến thức lên màn hình.

|  |
| --- |
| **3. Những suy ngẫm hiện tại**  - Đáng tiếc: bỏ phí việc học.  - Được lợi một chút: chạy nhảy nhanh nhẹn hơn, sống giản dị, tự nhiên hơn, hiểu biết trẻ bình dân hơn. |

**Nội dung 4. Khái quát đặc trưng thể loại**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS

- Nhận biết, thông hiểu về đặc trưng của thể loại qua văn bản.

**b) Nội dung**:

- Tìm hiểu đặc điểm thể thơ thể hiện qua văn bản.

- Hs hoạt động nhóm nhận xét nghệ thuật.

**c) Sản phẩm:** HS rút ra đặc trưng thể loại trong văn bản:

- Ngôi kể thứ nhất.

- Kết hợp kể và tả

- Sử dụng các từ ngữ giàu giá trị gợi hình gợi cảm: từ láy, động từ, tính từ.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv cho hs trao đổi cặp đôi, phản biện

- Sử dụng kĩ thuật động não, phản biện về đặc trưng thể loại.

**B2. Thực hiện nhiêm vụ**

- Hs thực hiện.

**B3. Báo cáo thảo luận**

Hs chia sẻ kết quả cách hiểu của mình.

**B4. Kết luận, nhận định**

\* GV nhận xét phần trình bày của học sinh và chốt kiến thức lên màn hình.

**4. Khái quát đặc trưng thể loại**

- Ngôi kể thứ nhất.

- Kết hợp kể và tả

- Sử dụng các từ ngữ giàu giá trị gợi hình gợi cảm: từ láy, động từ, tính từ.

=> Tái hiện những kỉ niệm đẹp đẽ, hồn nhiên, rực rỡ của một cậu bé tinh nghịch trong một năm học tiểu học. Suy ngẫm của nhân vật về những được và mất qua những kỉ niệm đó.

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào bài tập cụ thể.

**b. Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

1. *Một năm ở Tiểu học* kể lại chuỗi sự việc mà tác giả là người kể

2. Đó là những sự việc có thật diễn ra tại quê hương gắn với quãng đời ấu thơ của tác giả.

3. Nhân vật xưng “tôi”, người kể chuyện ngôi thứ nhất là nhân vật chính trong tác phẩm và là hình bóng của tác giả Nguyễn Hiến Lê ngoài đời.

4. Văn bản có sự kết hợp giữa kể chuyện với miêu tả và nghị luận.

**d.Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

Em hãy đối chiếu với đặc điểm của thể loại hồi kí trong mục Tri thức đọc hiểu và hoàn tất các câu sau (làm vào vở):

1. *Một năm ở Tiểu học* kể lại chuỗi sự việc mà tác giả là người ...

2. Đó là những sự việc có thật diễn ra tại…gắn với quãng đời ... của ...

3. Nhân vật xưng “tôi”, người kể chuyện ngôi ... là ... trong tác phẩm và là hình bóng của tác giả Nguyễn Hiến Lê ngoài đời.

4. Văn bản có sự kết hợp giữa kể chuyện với… và…

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS đọc để xác định yêu cầu của bài tập.

- GV hướng dẫn HS cách làm.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS chữa bài tập bằng cách trình bày sản phẩm của mình.

- HS lên bảng chữa bài hoặc đứng tại chỗ để trình bày, HS khác theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung (nếu cần)…

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS

GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**

Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung**

Sử dụng kiến thức đã viết đoạn văn.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

**\* Hoạt động của thầy và trò**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS: Kể lại kỉ niệm ngày nghỉ hè trong năm học vừa qua của em.

**B2. Thực hiện nhiệm vụ**

GV hướng dẫn HS xác định nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành BT.

**B3. Báo cáo thảo luận**

GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.

HS nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn. (*Qua Zalo hoặc Gmail*) - HS ghi điểm cho HS.

**B4. Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá.

…………………………………….

**Tiết 66-67.**

**VIẾT: VIẾT BÀI VĂN TẢ CẢNH SINH HOẠT**

**I. MỤC TIÊU**

***1.Kiến thức***

- Biết viết bài văn đảm bảo các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tài liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

- Nắm được cách viết bài văn tả cảnh sinh hoạt.

***2. Năng lực***

**a. Năng lực chung:**  Năng lực tự học, giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề

**b. Năng lực riêng biệt:**

-Thực hiện thành thạo kĩ năng quan sát và lựa chọn cảnh tiêu biểu để tả. Viết được bài văn tả cảnh sinh hoạt.

- Năng lực ngôn ngữ: Rèn kĩ năng nói trước tập thể.

***3. Phẩm chất:***

- Chăm chỉ học tập, nhân ái.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

* SGK, SGV, KHBD
* Máy tính, ti vi.
* Phiếu học tập, bảng kiểm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, định hướng chú ý cho học sinh để dẫn dắt học sinh vào tìm hiểu kiểu bài tả cảnh sinh hoạt.

**b. Nội dung:** HS dưới sự hướng dẫn của GV trả lời các câu hỏi theo yêu cầu.

**c. Sản phẩm:**

**d. Tổ chức thực hiện**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

Gv cho HS quan sát một số bức tranh và yêu cầu HS gọi tên cho các bức tranh ấy:



? Tại nơi em đang sinh sống và học tập hàng ngày hẳn là có rất nhiều cảnh sinh hoạt thú vị đang diễn ra với bao nhiêu khoảnh khắc đáng nhớ. Các em có thể chia sẻ với cả lớp một khoảnh khắc mà em nhớ nhất không?

? Bằng cách nào để em có thể chia sẻ với bạn bè, người thân những khoảnh khắc đáng nhớ mà em từng chứng kiến?

**B2. Thực hiện nhiệm vụ**

HS quan sát, nêu suy nghĩ.

GV theo dõi, hỗ trợ HS làm việc. GV có thể đưa thêm câu hỏi gợi mở (các bức tranh miêu tả cảnh gì?)

**B3. Báo cáo thảo luận**

GV yêu cầu 4-5 HS trả lời.

**B4. Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét câu trả lời của HS.

- GV dẫn vào bài mới để kết nối với mục “*Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn tả cảnh sinh hoạt*”: *Trong cuộc sống hàng ngày có rất nhiều cảnh sinh hoạt thú vị đang diễn ra với bao nhiêu khoảnh khắc đáng nhớ. Để có thể chia sẻ với bạn bè, người thân những khoảnh khắc ấy, ta có thể dùng cách ghi lại bằng lối văn tả cảnh sinh hoạt…*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1. Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn tả cảnh sinh hoạt**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS

HS nắm được khái niệm, biết được các yêu cầu đối với kiểu bài tả cảnh sinh hoạt.

- Biết cách viết bài văn tả cảnh sinh hoạt.

**b) Nội dung**:

Thông qua hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm trên phiếu học tập, giáo viên hướng dẫn học sinh t́m hiểu khái niệm, yêu cầu của kiểu bài tả cảnh sinh hoạt.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

|  |  |
| --- | --- |
| **YÊU CẦU ĐỐI VỚI KIỂU BÀI** | |
| **Nội dung:** | - Thời gian, địa điểm;  - Quang cảnh, không khí chung;  - Hoạt động của con người trong không gian, thời gian cụ thể;  - Những hình ảnh tiêu biểu, nổi bật; |
| **Trình tự:** | Hợp lí ( từ xa đến gần, từ bao quát đến cụ thể,...) |
| **Ngôn ngữ:** | Sử dụng phù hợp các từ ngữ chỉ đặc điểm, tính chất, hoạt động, trạng thái…. |
| **Cảm xúc:** | Nêu được suy nghĩ, cảm nhận của người viết về cảnh được miêu tả. |
| **Cấu trúc bài văn:** | 3 phần:  *- Mở bài:* Giới thiệu cảnh sinh hoạt.  *- Thân bài*: Miêu tả chi tiết theo một trình tự hợp lí.  *- Kết bài:* Phát biểu suy nghĩ hoặc nêu ấn tượng chung. |

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu học sinh đọc SGK trang 128 (phần trong khung) GV chia nhóm lớp & giao nhiệm vụ:

? Thế nào là tả cảnh sinh hoạt?

? Lấy ví dụ minh họa?

? Hoàn thành PHT:

|  |  |
| --- | --- |
| **YÊU CẦU ĐỐI VỚI KIỂU BÀI** | |
| **Nội dung:** |  |
| **Trình tự:** |  |
| **Ngôn ngữ:** |  |
| **Cảm xúc:** |  |
| **Cấu trúc bài văn:** |  |

**B2. Thực hiện nhiêm vụ**

- Làm việc cá nhân 2’.

- Làm việc nhóm 3’ để thống nhất ý kiến và ghi vào phiếu học tập.

**B3. Báo cáo thảo luận**

- GV yêu cầu HS lên trình bày sản phẩm.

HS:

- Trình bày sản phẩm nhóm.

- Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần).

**B4. Kết luận, nhận định**

- Chốt kiến thức lên màn hình.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. Các yêu cầu đối với bài văn tả cảnh sinh hoạt**  **1. Khái niệm**  - Là dùng khả năng quan sát và lời văn gợi tả, làm sống lại bức tranh sinh hoạt, giúp người đọc hình dung được rõ nét về không khí, đặc điểm nổi bật của cảnh đó.  - Ví dụ:  + Tả cảnh sum họp của gia đình em trong ngày nghỉ cuối tuần.  + Cảnh thu hoạch ngày mùa.  + Cảnh mua bán trong siêu thị.  + Cảnh sân trường giờ ra chơi…..  **2. Những yêu cầu với kiểu bài**   |  |  | | --- | --- | | **YÊU CẦU ĐỐI VỚI KIỂU BÀI** | | | **Nội dung:** | - Thời gian, địa điểm;  - Quang cảnh, không khí chung;  - Hoạt động của con người trong không gian, thời gian cụ thể;  - Những hình ảnh tiêu biểu, nổi bật; | | **Trình tự:** | Hợp lí ( từ xa đến gần, từ bao quát đến cụ thể,...) | | **Ngôn ngữ:** | Sử dụng phù hợp các từ ngữ chỉ đặc điểm, tính chất, hoạt động, trạng thái…. | | **Cảm xúc:** | Nêu được suy nghĩ, cảm nhận của người viết về cảnh được miêu tả. | | **Cấu trúc bài văn:** | 3 phần:  *- Mở bài:* Giới thiệu cảnh sinh hoạt.  *- Thân bài*: Miêu tả chi tiết theo một trình tự hợp lí.  *- Kết bài:* Phát biểu suy nghĩ hoặc nêu ấn tượng chung. | |

**Nội dung 2. Đọc và phân tích bài viết tham khảo**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS

- Đọc, hiểu được bài viết tham khảo: *Tả một phiên chợ nổi ở miền Tây Nam Bộ*.

- Biết phân tích được những đặc điểm cơ bản của bài văn tả cảnh sinh hoạt qua bài viết tham khảo.

- Nắm được cách viết bài văn tả cảnh sinh hoạt.

**b) Nội dung**:

Thông qua hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm trên phiếu học tập, giáo viên hướng dẫn học sinh phân tích đặc điểm kiểu bài tả cảnh sinh hoạt.

**c) Sản phẩm:** rút ra dàn ý của văn bản mẫu *Tả một phiên chợ nổi ở miền Tây Nam Bộ*

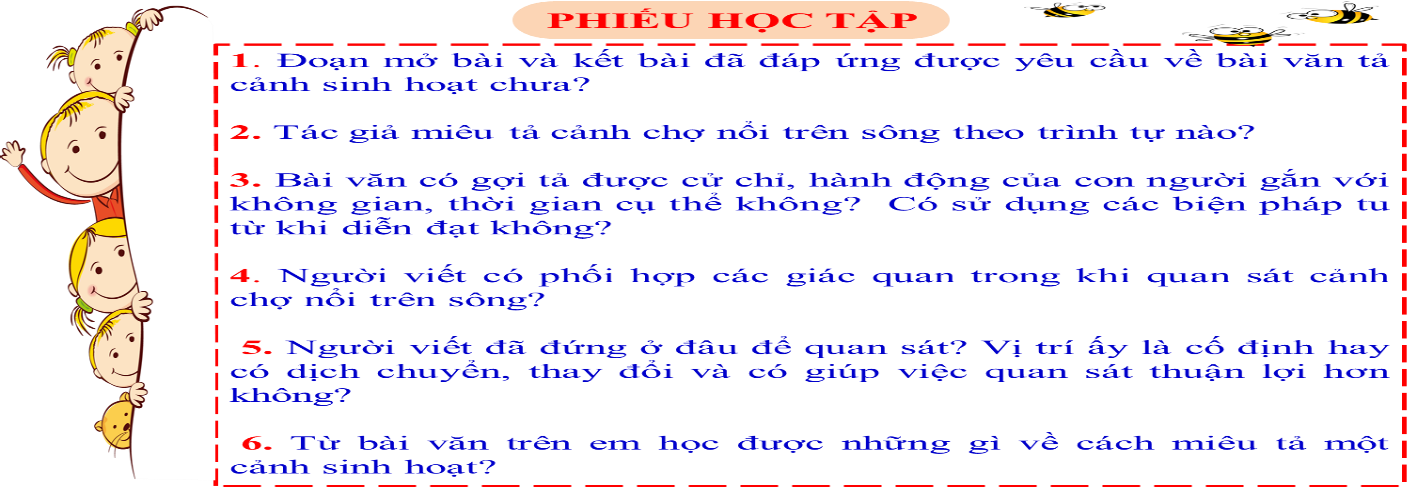
**d) Tổ chức thực hiện**

GV sử dụng phiếu học tập, kĩ thuật động não, phản biện.

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu học sinh đọc văn bản mẫu: *Tả một phiên chợ nổi ở miền Tây Nam Bộ* (SGK trang 129)

GV chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ cho các nhóm:



**B2. Thực hiện nhiêm vụ**

HS: - Đọc SGK và trả lời câu hỏi

- Làm việc cá nhân 2’

- Làm việc nhóm 5’ để hoàn thiện nhiệm vụ.

GV: - Hướng dẫn HS đọc kĩ bài viết mẫu lẫn thông tin chỉ dẫn kèm theo, lưu ý khi đọc vừa tri nhận bao quát toàn văn bản, vừa nắm bắt các chi tiết cụ thể về ý tưởng lẫn cách thức miêu tả.

- Quan sát, theo dõi HS thảo luận

**B3. Báo cáo thảo luận**

HS: - Trả lời câu hỏi của GV

- Đại diện nhóm báo cáo sản phẩm của nhóm, những HS còn lại quan sát sản phẩm của nhóm bạn, theo dõi nhóm bạn trình bày và nhận xét, bổ sung (nếu cần).

GV: Hướng dẫn HS cách trình bày sản phẩm nhóm.

**B4. Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét sản phẩm của nhóm, cá nhân.

- Chốt kiến thức lên màn hình.

|  |
| --- |
| **II. Phân tích kiểu văn bản**  **Văn bản mẫu:** *Tả một phiên chợ nổi ở miền Tây Nam Bộ:*  - Đoạn mở bài và kết bài của bài văn đã đáp ứng yêu cầu của bài văn tả cảnh sinh hoạt.  \* *Mở bài:* giới thiệu cảnh sinh hoạt chợ nổi Cái Răng.  \* *Kết bài:* phát biểu ấn tượng, cảm xúc sau khi thăm phiên chợ nổi.  - Tác giả miêu tả cảnh chợ nổi trên sông theo trình tự từ bao quát đến cụ thể.  - Bài văn gợi tả được cử chỉ, hành động của con người gắn với thời gian, không gian cụ thể: các tiếng rao trên các con thuyền. Tác giả có sử dụng các biện pháp tu từ khi diễn đạt như so sánh, hoán dụ  - Người viết có phối hợp các giác quan trong khi quan sát cảnh chợ nổi trên sông gồm: thị giác, thính giác, xúc giác.  - Người viết đã đứng ở trên xuồng máy để quan sát. Xuồng máy đi trên sông nên tác giả có thể dịch chuyển, thay đổi và có thể quan sát khung cảnh chợ nổi  rõ ràng, chi tiết. |

**Nội dung 3. Quy trình viết bài văn tả cảnh sinh hoạt**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS

- Nắm được quy trình chung viết một bài văn tả cảnh sinh hoạt.

**b) Nội dung**: Thông qua hoạt động cá nhân, học sinh huy động hiểu biết của bản thân nhớ lại quy trình tạo lập một văn bản.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời, bài viết (có thể là từng phần, từng đoạn văn) của HS.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu học sinh:

? Nhắc lại các bước làm một bài văn nói chung?

? Ở mỗi bước cần lưu ý điều gì?

**B2. Thực hiện nhiêm vụ**

GVhướng dẫn HS nhớ lại kiến thức cũ.

HS nhớ lại kiến thức và trả lời câu hỏi của giáo viên.

**B3. Báo cáo thảo luận**

- GV: Gọi một sinh trả lời. Trong quá trình học sinh trả lời, GV có thể hỏi thêm những câu hỏi nhỏ để các em khắc sâu kiến thức về quy trình tạo lập văn bản:

*? Trong bước 1, cần chuẩn bị những gì?*

*? Dàn ý của bài văn gồm mấy phần? Nội dung của từng phần như thế nào?*

*? Khi viết bài cần lưu ý điều gì?*

*? Tại sao phải kiểm tra lại văn bản sau khi viết?*

- HS: Trao đổi bài với bạn, trả lời các câu hỏi của giáo viên.

Các bạn khác nhận xét, bổ sung cho bạn.

**B4. Kết luận, nhận định**

\* Gv nhận xét phần trình bày của học sinh và chốt kiến thức lên màn hình.

**III. Quy trình viết bài**

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết.

- Xác định đề tài

- Thu thập tư liệu

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý.

Bước 3: Viết bài.

Lần lượt viết mở bài, thân bài, kết bài.

Bước 4: Xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm.

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**Nội dung 1: Thực hành viết**

**a. Mục tiêu:**

- Biết viết bài văn tả lại một cảnh sinh hoạt tuân thủ quy trình các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tài liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

**b. Nội dung:** học sinh huy động hiểu biết của bản thân thực hành viết bài theo quy trình đă được GV hướng dẫn.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời, bài viết (có thể là từng phần, từng đoạn văn) của HS.

**d.Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV chiếu đề bài: ***Hãy tả lại một cảnh sinh hoạt mà em có dịp quan sát hoặc tham dự***

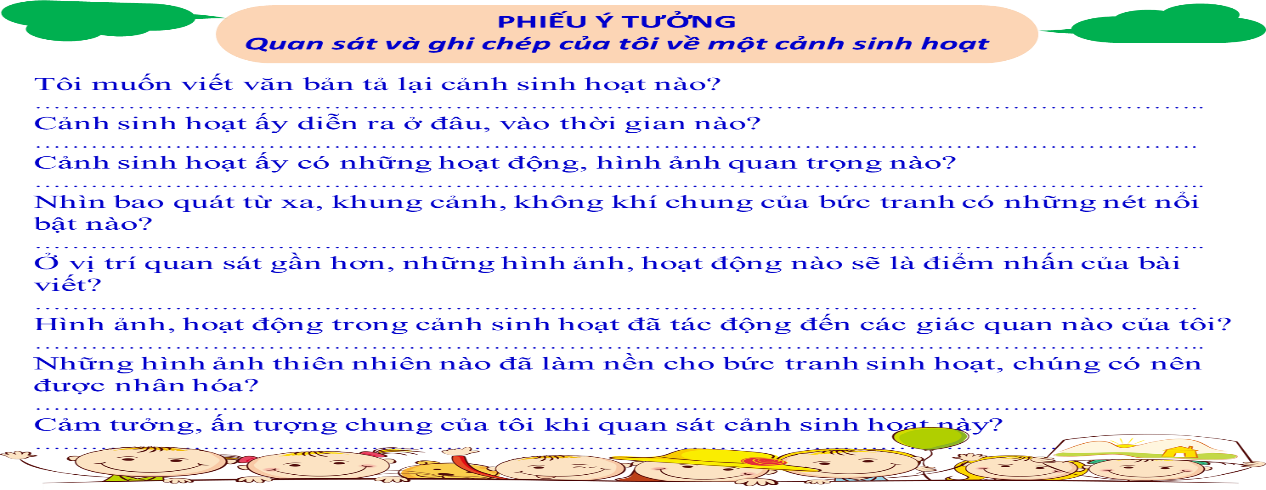
GV yêu cầu học sinh lần lượt thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Chuẩn bị trước khi viết:

Lựa chọn một đề tài mà em muốn viết?

Trước khi viết em cần chuẩn bị những gì?

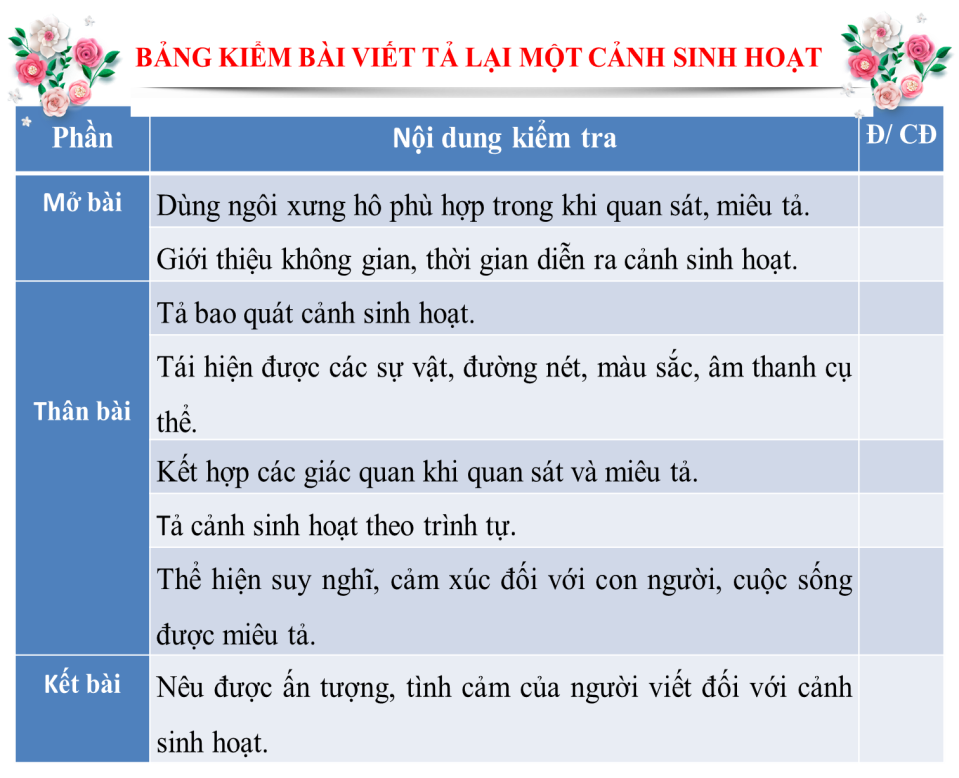
2. Tìm ý, hoàn thành điền vào: *Phiếu ý tưởng quan sát và ghi chép của tôi về một cảnh sinh hoạt*: ( Đã chuẩn bị trước ở nhà)



3. Lập dàn ý (tham khảo dàn ý trong SGK trang 131).

4. Viết bài theo dàn ý cho đề tài mà em lựa chọn ( viết một phần hoặc vài đoạn)

5. Xem lại, chỉnh sửa bài làm của mình (theo yêu cầu trong bảng kiểm):



**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

GV:

- Hướng dẫn HS đọc các gợi ý trong SGK để lựa chọn đề tài và hoàn thiện phiếu tìm ý (đã được chuẩn bị ở nhà)

- Gợi ý HS đọc lại các văn bản: *Thương nhớ bầy ong, Lao xao ngày hè…* và bài văn ở mục Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản để tham khảo cách quan sát, tả cảnh thiên nhiên, cảnh sinh hoạt.

- Lưu ý HS khi viết bài: Chia thành các đoạn, giữa các đoạn nên dùng các từ chuyển tiếp phù hợp. Trong quá trình tả có thể kết hợp thể hiện cảm nhận của bản thân.

- Hướng dẫn HS dùng bảng kiểm *bài viết tả lại một cảnh sinh hoạt*, lần lượt đối chiếu, rà soát lại yêu cầu của từng phần để tự kiểm tra, điều chỉnh bài viết của bản thân.

- Tổ chức cho 2 HS trao đổi bài, dùng bảng kiểm để góp ý cho nhau

- Tổ chức cho HS thảo luận , trình bày những gì đã học được từ quá trình viết của bản thân và từ những gì em học hỏi được từ bạn.

HS:

- Đọc những gợi ý trong SGK và lựa chọn đề tài.

- Tìm ý bằng việc hoàn thiện phiếu.

- Đọc lại các văn bản để tham khảo cách quan sát, cách tả cảnh.

- Lập dàn ý ra giấy và viết bài theo dàn ý và gợi ý của GV.

- Đọc lại bài, sửa lỗi sau khi viết: dùng bảng kiểm lần lượt đối chiếu, rà soát lại yêu cầu của từng phần để tự kiểm tra, điều chỉnh bài viết của bản thân.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV: Yêu cầu HS báo cáo sản phẩm theo hình thức 2 HS ngồi cạnh nhau trao đổi bài, dùng bảng kiểm để góp ý cho nhau.

HS: Trao đổi bài với bạn, dùng bảng kiểm để góp ý cho nhau.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

|  |
| --- |
| Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết.  - Xác định đề tài  - Thu thập tư liệu  Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý.  Dàn ý:  *\* Mở bài:* Giới thiệu cảnh sinh hoạt được tả  - Cảnh sinh hoạt:…..  - Thời gian, địa điểm:…  *\* Thân bài:* Tả cảnh sinh hoạt:  - Tả cảnh sinh hoạt chung bằng một cái nhìn bao quát:  - Tả một số hình ảnh cụ thể, nổi bật ở cự li gần:  - Tả sự thay đổi của sự vật của bức tranh sinh hoạt trong không gian, thời gian:  *\* Kết bài:* Phát biểu cảm nghĩ hoặc nêu ấn tượng chung về cảnh sinh hoạt.  Bước 3: Viết bài.  Lần lượt viết mở bài, thân bài, kết bài.  Bước 4: Xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm.  - Đọc và sửa lại bài viết theo gợi ý trong bảng kiểm. |

**Nội dung 2: Sửa chữa bài**

**a)** **Mục tiêu:** Giúp HS

- Thấy được ưu điểm và tồn tại của bài viết.

- Chỉnh sửa bài viết cho mình và cho bạn.

**b)** **Nội dung:**

-Thông qua hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, GV yêu cầu HS lên bảng trình bày bài viết của mình, HS thảo luận nhận xét, góp ý bài của bạn.

**c) Sản phẩm:** Bài đã sửa của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

1. GV yêu cầu HS xem lại bài, gọi HS lên bảng đọc bài viết của mình. ( Có thể đọc một phần của bài viết)

2. HS nhận xét bài của bạn (đối chiếu với bảng kiểm)

3. Thảo luận tập thể: Trình bày những gì đã học được từ quá trình viết của bản thân và từ những gì em học hỏi được từ bạn.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV giao nhiệm vụ cho HS.

- HS làm việc cá nhân và theo nhóm thực hiện yêu cầu của GV.

**B3: Báo cáo thảo luận**

- GV yêu cầu HS lên bảng đọc bài làm trước lớp (2 -3 học sinh): GV có thể chụp bài làm của HS trình chiếu trên bảng để cả lớp dễ quan sát.

- HS theo dõi phần trình bày của bạn và trình chiếu của cô giáo, nhận xét bài viết của bạn ( đối chiếu với bảng kiểm)

- Thảo luận rút kinh nghiệm từ quá trình viết của bản thân và từ những gì em học hỏi được từ bạn.

**B4: Kết luận, nhận định**

- GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo cơ hội cho HS vận dụng những kiến thức, kĩ năng, thể nghiệm giá trị đã được học vào thực hành.

**b) Nội dung:** GV giao bài cho HS thực hiện (ở nhà)

**c) Sản phẩm:**Bài làm của học sinh.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ*:***

GV yêu cầu học sinh về nhà hoàn thiện bài viết, chụp ảnh, scan, up lên zalo lớp.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn học sinh cách đưa bài.

- HS thực hiện theo yêu cầu của GV

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS nộp bài cho GV (theo thời gian quy định)

**B4: Kết luận, nhận định:**

GV: - Nhận xét nội dung tiết học.

- Nhắc lại những kiến thức trọng tâm HS cần nhớ.

- Nhắc HS chuẩn bị nội dung bài nói dựa trên bài đã viết.

………………………….

**Tiết 68**

**Nói và nghe: TRÌNH BÀY VỀ MỘT CẢNH SINH HOẠT**

**I. MỤC TIÊU**

***1.Kiến thức***

- Học sinh biết cách nói theo trình tự về một cảnh sinh hoạt.

- Biết cách lắng nghe bài nói của bạn để góp ý, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm.

***2. Năng lực***

**a. Năng lực chung:**  Năng lực tự học, giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Thực hiện thành thạo kĩ năng quan sát và lựa chọn cảnh tiêu biểu để tả, lắng nghe và rút kinh nghiệm cho bài nói của mình.

- Năng lực ngôn ngữ: Rèn kĩ năng nói trước tập thể.

***3. Phẩm chất:***

- Chăm chỉ học tập, nhân ái.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

* SGK, SGV, KHBD
* Máy tính, ti vi.
* Phiếu học tập, bảng kiểm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:** HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

**b) Nội dung:** GV hỏi, HS trả lời.

**c) Sản phẩm:** Tên các tác phẩm

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

? Thế nào là Hồi kí? Kể tên các tác phẩm hồi kí mà em đã được học cũng như đọc thêm bên ngoài chương trình?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định**

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a)** **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b)** **Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân, nhóm làm bài tập của GV giao

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**Câu 1**

- Văn bản: *Lao xao ngày hè*, *Thương nhớ bầy ong*, *Một năm ở tiểu học* là các văn bản hồi kí.

- Dựa vào đặc điểm của thể loại em có thể khẳng định như vậy:

+ Văn bản kể lại chuỗi sự việc mà tác giả là người kể.

+ Truyện là những sự việc có thật diễn ra tại quá khứ gắn với quãng đường thơ ấu của tác giả.

+ Nhân vật xưng “tôi”, người kể chuyện ngôi thứ nhất , là hình ảnh của tác giả trong tác phẩm và là hình bóng của tác giả ngoài đời.

+ Văn bản có sự kết hợp giữa kể chuyện với miêu tả và biểu cảm.

**Câu 2:** Thực hiện theo cảm nhận của cá nhân

*Ví dụ:* Trong các văn bản đã học, em thích nhất là văn bản Thương nhớ bầy ong. Truyện kể lại về những ngày xưa, khi gia đình nhân vật tôi còn nuôi ong. Nhân vật yêu thích việc xem ong họp đàn. Và những lần ong trại đã để lại trong nhân vật những nỗi buồn không nói thành lời, giống như một phần linh hồn của mình đã san đi nơi khác. Và cuối cùng, nhân vật đúc rút ra cho mình có những vật vô tri vô giác, nhỏ nhẹ, vụn vặt đều mang linh hồn vương vấn với hồn ta và khiến ta yêu mến.

**Câu 3:** Khi viết một bài văn tả cảnh sinh hoạt, em cần lưu ý đến:

- Để tả cảnh sinh hoạt cần quan sát và dùng lời văn gợi tả, làm sống lại bức tranh sinh hoạt, giúp người đọc hình dung được rõ nét về không khí, đặc điểm nổi bật của cảnh.

- Cần giới thiệu được cảnh sinh hoạt, thời gian, địa điểm diễn ra cảnh sinh hoạt.

- Tả lại cảnh sinh hoạt theo trình tự hợp lí.

- Thể hiện được hoạt động của con người trong thời gian, không gian cụ thể.

- Gợi được quang cảnh, không khí chung, những hình ảnh tiêu biểu của bức tranh sinh hoạt.

- Sử dụng từ ngữ phù hợp, nêu được cảm nhận của người viết về cảnh được miêu tả.

- Đảm bảo cấu trúc bài văn ba phần.

**Câu 4.**

- Những lưu ý khi chuẩn bị và trình bày bài nói về cảnh sinh hoạt mà mình quan sát:

+ Xác định  đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói.

+ Tìm ý, lập dàn ý.

+ Luyện tập và trình bày.

+ Trao đổi và đánh giá.

Câu 5:

Các em có thể trình bày với bạn theo dàn ý sau:

**1. Mở bài:** Giới thiệu mùa khiến em yêu thích nhất trong năm là mùa xuân

**2. Thân bài:**

- Mùa xuân có thời tiết ấm áp, dễ chịu

- Trong tiết trời xuân, mưa phùn lất phất bay, tưới mát cho muôn loài, mang lại nguồn sống cho cỏ cây hoa lá.

- Những mầm non e ấp trên những cành cây khẳng khiu, bừng tỉnh sau một giấc ngủ đông dài.

- Trăm loài hoa đua nhau khoe sắc, rực rỡ chào đón xuân về.

**3. Kết bài:** Em rất yêu thích mùa xuân, mang lại cho con người những niềm vui và hi vọng về một năm với nhiều khởi đầu tốt đẹp.

Câu 6:

Thiên nhiên là những điều bí ẩn, mỗi loài đều có đời sống và tiếng nói riêng. Qua đó, thiên nhiên muốn con người cùng lắng nghe, trò chuyện, tâm tình như những người bạn. Như vậy, cuộc sống của con người sẽ trở nên hòa hợp và tốt đẹp hơn.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Chia nhóm lớp theo tổ: 4 tổ thành 4 nhóm.

- Phát phiếu học tập cho các tổ.

- Giao nhiệm vụ nhóm (Gợi ý: Mỗi bạn trong tổ làm 1 câu)

1. Văn bản nào trong các văn bản *Lao xao ngày hè, Thương nhớ bầy ong, Đánh thức trầu, Một năm ở tiểu học* thuộc thể loại hồi kí? Dựa vào đâu em khẳng định như vậy?

2. Trong các văn bản hồi kí đã học, em thích nhất văn bản nào? Vì sao? Hãy tóm tắt nội dung văn bản ấy.

3. Khi viết một bài văn tả cảnh sinh hoạt, em cần lưu ý đến những gì?

4. Em rút ra được những lưu ý gì khi chuẩn bị và trình bày bài nói về cảnh sinh hoạt mà mình quan sát?

5. Cảm nhận của em về vẻ đẹp thiên nhiên của một mùa trong năm. Có sử dụng biện pháp tu từ phù hợp.

6. Theo em, thiên nhiên muốn trò chuyện với chúng ta điều gì?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS:

* Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy.
* Làm việc nhóm 5’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).

GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).

**B3: Báo cáo, thảo luận**

HS: Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.

GV: Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**Nội dung 1: Thực hành nói và nghe**

**a) Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ..

**c) Sản phẩm:**

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập: Hãy chia sẻ với bạn học cùng nhóm cảm nhận của em về vẻ đẹp thiên nhiên của một mùa trong năm. Trong khi nói, cố gắng sử dụng biện pháp tu từ phù hợp.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

GV hướng dẫn HS:

- Bày tỏ ấn tượng và cảm xúc: cảm nhận của em về vẻ đẹp thiên nhiên của một mùa trong năm

HS trả lời câu hỏi.

**Gợi ý tham khảo**: có thể trình bày cảm nhận riêng của mình theo 1 dàn ý. Ví dụ:

***1.*** ***Mở bài:*** Giới thiệu mùa khiến em yêu thích nhất trong năm là mùa xuân

***2. Thân bài:***

\* Mùa xuân có thời tiết ấm áp, dễ chịu

\* Trong tiết trời xuân, mưa phùn lất phất bay, tưới mát cho muôn loài, mang lại nguồn sống cho cỏ cây hoa lá.

\* Những mầm non e ấp trên những cành cây khẳng khiu, bừng tỉnh sau một giấc ngủ đông dài.

\* Trăm loài hoa đua nhau khoe sắc, rực rỡ chào đón xuân về.

***3. Kết bài:*** Em rất yêu thích mùa xuân, mang lại cho con người những niềm vui và hi vọng về một năm với nhiều khởi đầu tốt đẹp.

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo cơ hội cho HS vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học.

**b) Nội dung:** GV giao yêu cầu cho HS thực hiện (ở nhà)

**c) Sản phẩm:**Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**:

- GV giao nhiệm vụ

? Hãy tìm ví dụ về một tác phẩm hồi kí mà em đã được đọc và chỉ ra các yếu tố của hồi kí trong văn bản đó?

- Nộp sản phẩm về hòm thư của GV hoặc chụp lại gửi qua zalo nhóm lớp.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

GV hướng dẫn HS xác nhiệm vụ và tìm kiếm tư liệu trên nhiều nguồn…

HS đọc, xác định yêu cầu của bài tập và tìm kiếm tư liệu trên mạng internet

**B3: Báo cáo, thảo luận**

GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.

HS nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có)).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị thi Học kì.

………………………………………

**Tiết 69**

**ÔN TẬP**

**I. MỤC TIÊU**

***1.Kiến thức***

Giúp HS củng cố kiến thức về:

- Thể loại hồi kí

- Chủ đề của văn bản; tình cảm, cảm xúc của người viết.

- Các biện pháp tu từ và tác dụng của chúng.

- Văn tả cảnh sinh hoạt.

***2. Năng lực***

**a. Năng lực chung:**  Năng lực tự học, giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Rèn kĩ năng nói, trao đổi trước tập thể.

***3. Phẩm chất:***

- Chăm chỉ, trung thực, sống có trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV, KHBD

- Máy tính, ti vi.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:** HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

**b) Nội dung:**

**-** GV yêu cầu HS theo dõi video và giao nhiệm vụ cho HS.

**-**  HS theo dõi video, lắng nghe và trả lời câu hỏi của GV.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ*:***

GV chiếu video và giao nhiệm vụ cho HS:

? Nội dung của đoạn video?

? Trong đoạn video, bạn trình bày có gì khác so với phần trình bày của các bạn lớp mình trong tiết học trước?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, lắng nghe đoạn video và suy nghĩ cá nhân

GV theo dõi HS thực hiện nhiệm vụ

**B3: Báo cáo, thảo luận**

HS trả lời câu hỏi của GV:

- Đoạn video ghi lại phần thuyết trình về một cuốn sách của một bạn học sinh.

- Bạn đã sử dụng ngôn ngữ nói và ngôn ngữ cơ thể ( cử chỉ, điệu bộ….).

**B4: Kết luận, nhận định:**GV nhận xét và kết nối vào bài: *Trong đoạn video, bạn học sinh đã sử dụng ngôn ngữ nói và ngôn ngữ cơ thể để trình bày phần thuyết trình của mình về một cuốn sách. Nhờ đó mà giúp cho bài nói của bạn được rõ ràng, mạc lạc và hấp dẫn…*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a)** **Mục tiêu:**

- HS nắm được các bước tiến hành trình bày về một cảnh sinh hoạt.

- Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói.

**b)** **Nội dung:** Thông qua hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, HS trả lời các câu hỏi của GV để nắm được các bước tiến hành trình bày về một cảnh sinh hoạt.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

Gv tạo tình huống và đặt câu hỏi: Giả sử lớp mình đang tổ chức một cuộc thi xem ai thuyết trình hay nhất về một cảnh sinh hoạt. Nếu em là thí sinh dự thi, em sẽ phải chuẩn bị những gì và trình bày như thế nào để bài nói của mình được hấp dẫn?

? Tập nói theo dàn ý (đã chuẩn bị trước).

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS trả lời các câu hỏi của GV. Trong quá trình tìm hiểu có thể thảo luận, trao đổi với bạn.

GV:

**-**  Khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

- Theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những nội dung khó (bằng câu hỏi gợi mở - linh hoạt: *Em sẽ nói về cảnh gì? Chuẩn bị như thế nào?Vì sao phải xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói? Trình bày ra sao để bài nói của mình được mạch lạc, trôi chảy, hấp dẫn?...*)

**B3: Thảo luận, báo cáo**

HS:

- Trả lời câu hỏi của GV.

- Tập nói trong nhóm, tổ.

GV quan sát, theo dõi học sinh thực hiện nhiệm vụ.

**B4: Kết luận, nhận định**

GV: Nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức: Để có một bài nói tốt, hấp dẫn người nghe, cần lưu ý:

* Nắm chắc nội dung bài nói của mình
* Chuẩn bị chu đáo trước khi nói
* Tập luyện kĩ càng

GV chiếu nội dung ( các bước tiến hành) cho HS ghi bảng.

|  |
| --- |
| **I. Quy trình nói về một cảnh sinh hoạt**  Bước 1: Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói.  - Khi nói phải bám sát mục đích (nội dung) nói và đối tượng nghe để bài nói không đi chệch hướng.  Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý.  Bước 3: Luyện tập và trình bày  Bước 4: Trao đổi, đánh giá. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**Nội dung 1: Thực hành nói và nghe**

**a) Mục tiêu:**

- Học sinh biết cách nói theo trình tự về một cảnh sinh hoạt.

- Giúp HS nói cho đúng nội dung giao tiếp và biết một số kĩ năng nói trước đám đông.

**b) Nội dung:** HS dưới sự hướng dẫn của GV, nói theo dàn ý có sẵn ở HĐ viết & nhận xét HĐ nói của bạn.

**c) Sản phẩm:** Sản phẩm nói của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV tổ chức cuộc thi: ***Thuyết trình viên tài năng:***

- Cử 1 HS làm MC dẫn chương trình, điều hành cuộc thi.

- MC chia lớp thành 4 đội thi, giới thiệu thành phần BGK, phổ biến luật thi: mỗi đội sẽ thảo luận, cử một đội viên đại diện tham gia thi nói về một cảnh sinh hoạt ( theo dàn ý đã chuẩn bị từ tiết trước)

- GV lưu ý HS khi nói:

+ Một bài nói cũng cần có lời mở đầu, phần chính và lời kết.

+ Lời mở đầu cần thu hút được sự chú ý của người nghe (ví dụ đưa ra một bức tranh, một sơ đồ, một câu tục ngữ, kể một câu chuyện liên quan đến vấn đề…)

+ Lời kết thúc bài nói cần tạo được ấn tượng, thân thiện, chứng tỏ sự tôn trọng người nghe.

+ Lựa chọn từ ngữ cho phù hợp với văn nói.

+ Lựa chọn cách nói tự nhiên.

+ Phân bố thời gian hợp lý.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- Các đội cử đại diện tham gia cuộc thi, luyện nói trước đội, nói trước lớp.

- GV quan sát, hỗ trợ HS (nếu cần)

**B3: Thảo luận, báo cáo**

- Đại diện các đội lên nói về một cảnh sinh hoạt.

- GV quan sát, hỗ trợ HS (nếu cần)

**Nội dung 2: Trao đổi về bài nói**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS

- Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.

**b) Nội dung:**

- GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí.

- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả.

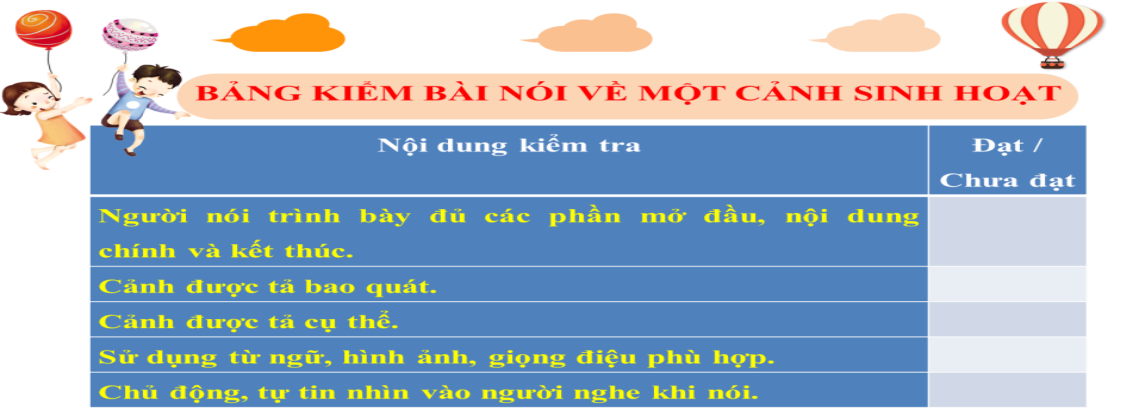
**c) Sản phẩm:** Lời nhận xét về HĐ nói của từng HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- MC trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí, mời các đội nhận xét chéo.

- BGK nhận xét, cho điểm ( dựa trên phiếu tiêu chí), chọn ra đội xuất sắc nhất.



**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

MChướng dẫn các đội nhận xét, đánh giá phần thi của đội bạn theo phiếu tiêu chí.

**B3: Thảo luận, báo cáo**

- Các đội nhận xét, đánh giá HĐ nói của đội bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói.

- BGK nhận xét phần thi của các đội, đánh giá, tổng hợp, cho điểm.

- GV quan sát, hỗ trợ (nếu cần)

**B4: Kết luận, nhận định**

- MC thông báo kết quả, trao quà, bế mạc cuộc thi.

- GV nhận xét phần thi của HS, đánh giá chung.

GV hướng dẫn học sinh tự học ở nhà:

+ Luyện nói trước gia đình về một chủ đề mà em thích.

+ Xem lại các văn bản đã học trong bài 5: *Lao xao ngày hè, Thương nhớ bầy ong, Đánh thức trầu, Một năm ở Tiểu học.*

*-* Trả lời các câu hỏi phần ôn tập (SGK trang 134).

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo cơ hội cho HS vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học.

**b) Nội dung:** GV giao yêu cầu cho HS thực hiện (ở nhà)

**c) Sản phẩm:**Video luyện nói của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ*:***

GV yêu cầu học sinh về nhà hoàn thiện bài viết, quay video nói, up lên zalo lớp.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn học sinh cách đưa bài.

- HS thực hiện theo yêu cầu của GV

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS nộp bài cho GV (theo thời gian quy định)

**B4: Kết luận, nhận định:**

GV: - Nhận xét nội dung tiết học.

- Nhắc lại những kiến thức trọng tâm HS cần nhớ.  
- Nhắc HS chuẩn bị nội dung ôn tập cả bài 5.

**IV. PHỤ LỤC:**

**KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN**

Đề: Viết đoạn văn (khoảng 150 đến 200 chữ) kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của em. Trong đoạn văn đó có sử dụng ít nhất một trong số các biện pháp ẩn dụ, nhân hóa, hoán dụ.

……………………………….

**Tiết 70**

**ÔN TẬP CUỐI KÌ I**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Đặc trưng của các thể loại: truyền thuyết, truyện cổ tích; thơ lục bát, truyện đồng thoại, hồi kí, du kí...

- Tiếng Việt: từ đơn, từ phức; thành ngữ; trạng ngữ, tác dụng của trạng ngữ; lựa chọn từ ngữ phù hợp; mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ; ẩn dụ, hoán dụ...

- Kĩ năng đọc văn bản theo đặc trưng các thể loại như: truyền thuyết, truyện cổ tích; thơ lục bát, truyện đồng thoại, hồi kí, du kí...

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Hệ thống được những kiến thức, kĩ năng đã học trong Học kì I.

- Vận dụng được những kiến thức, kĩ năng, thái độ đã học trong học kì I để giải quyết những tình huống tương tự.

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập.

- Yêu nước: Trân trọng những vẻ đẹp quê hương, đất nước; yêu mến các tác phẩm văn học của đất nước

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT.

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi “Vòng quay văn học”

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ

**Câu 1: Long Thành, trong văn bản *Những câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương* đã nhắc đến địa danh nào?**

A. Thành Thăng Long, tên gọi Hà Nội xưa.

B. Thành Thăng Long, tên gọi của cố đô Huế.

C. Thành Thăng Long, tên gọi của tỉnh Thanh Hóa ngày xưa.

D. Thành Thăng Long, tên gọi của tỉnh Nghệ An ngày xưa.

**Câu 2: Trong bài ca dao 1, văn bản *Những câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương* hình ảnh Long Thành xưa hiện ra như thế nào?**

A. Có ba mươi sáu phố, phố nào cũng đông đúc, nhộn nhịp.

B.Có ba mươi tám phố, phố nào cũng đông đúc, nhộn nhịp.

C.Có ba mươi chín phố, phố nào cũng đông đúc, nhộn nhịp.

D.Có bốn mươi phố, phố nào cũng đông đúc, nhộn nhịp.

**Câu 3: Trong bài ca dao 1, văn bản *Những câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương*, khi chia tay Long Thành, người về có tâm trạng như thế nào?**

A.Vui vẻ, vì đã được đi chơi khắp Long Thành.

B.Vui vì đã được thưởng thức các món ăn ngon ở Long Thành.

C.Nhớ cảnh ngẩn ngơ.

D.Nhớ người ngẩn ngơ.

**Câu 4: Trong bài ca dao 2, văn bản *Những câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương*, người giải đố trả lời sông sâu nhất nước ta là sông nào?**

A.Sông Hồng. B.Sông Bạch Đằng. C.Sông Cửu Long. D.Sông Lam.

**Câu 5: Trong bài ca dao 2, văn bản *Những câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương*, người giải đố trả lời núi cao nhất nước ta là núi nào?**

A.Núi Lam Sơn ở Thanh Hóa. B.Núi Dinh ở Vũng Tàu.

C.Núi Lớn ở Vũng Tàu. D.Núi Bà Đen ở Tây Ninh.

**Câu 6: Câu *Cá tôm sẵn bát, lúa trời sẵn ăn,* trong bài ca dao số 3, Văn bản *Những câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương* ca ngợi sự trù phú của vùng nào nước ta?**

A.Vùng Tây Bắc Bộ. D.Vùng Đông Bắc Bộ.

C.Miệt Tháp Mười. D.Vùng Bắc Trung Bộ.

**Câu 7: Bài thơ *Việt Nam quê hương ta* của tác giả nào?**

A.Tế Hanh. B.Nguyễn Khoa Điềm.

C.Tố Hữu. D.Nguyễn Đình Thi.

**Câu 8: Hình ảnh *Áo nâu nhuộm bùn* trong bài thơ *Việt Nam quê hương ta* nhằm diễn tả điều gì?**

A.Áo được nhuộm bằng bùn.

B.Sự khó khăn, vất vả, gian lao của những người lao động.

C.Sự kiên cường của những người lao động.

D.Niềm lạc quan của những người lao động.

**Câu 9: Hình ảnh nào không có trong bài thơ *Việt Nam quê hương ta*?**

A.Chìm trong máu lửa lại vùng đứng lên.

B.Đạp quân thù xuống đất đen.

C.Xông lên, toàn thắng át về ta.

D.Súng gươm vứt bỏ lại hiền như xưa.

**Câu 10: Dòng thơ Tay người như có phép tiên trong bài thơ Việt Nam quê hương ta sử dụng biện pháp tu từ nào?**

A.So sánh. B.Hoán dụ. D.Ẩn dụ. D.Nhân hóa.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện cá nhân.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trả lời.

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức: 1: A; 2: A; 3: C; 4: B; 5: A; 6: C; 7: D; 8: B; 9: C; 10: A

1. **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC - LUYỆN TẬP**

**Hoạt động 1: ÔN TẬP THỂ LOẠI**

**a) Mục tiêu:** HS nắm được nội dung, vấn đề đã học trong học kì.

**b) Nội dung:** Thảo luận nhóm, trình bày.

**c) Sản phẩm:**

**Câu 1:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đặc điểm** | **Truyền thuyết** | **Cổ tích** |
| **Giống nhau** | - Đều có yếu tố tưởng tượng kì ảo   - Có nhiều chi tiết giống nhau: sự ra đời thần kì, nhân vật chính có những tài năng phi thường... | |
| **Khác nhau** | **-**Truyền thuyết kể về các nhân vật, sự kiện lịch sử và thể hiện cách đánh giá của nhân dân đối với những nhân vật, sự kiện lịch sử được kể. | **-**Còn truyện cổ tích kể về cuộcđời của các loại nhân vật nhất định và thể hiện quan niệm, ước mơ của nhân dân về cuộc đấu tranh giữa cái thiện và cái ác. |

**Câu 2**

|  |  |
| --- | --- |
| Đặc điểm của thể thơ lục bát | Thể hiện trong bài ca dao |
| Số dòng thơ | 2 dòng (1 dòng lục, 1 dòng bát) |
| Số tiếng trong từng dòng | dòng lục có 6 tiếng, mỗi dòng bát có 8 tiếng |
| Vần trong các dòng thơ | Trong –không |
| Nhịp của từng dòng thơ | Dòng 1: 2/4; Dòng 2: 4/4; |
| Về ngôn ngữ | Từ ngữ giản dị nhưng giàu sức gợi, diễn tả tình cảm với vùng đất Cần Thơ. |

**d) Tổ chức thực hiện:  
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu nhóm 1, 2 trình bày (đã chuẩn bị trước ở nhà) **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trả lời.

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**Hoạt động 2: ÔN TẬP TIẾNG VIỆT**

**a) Mục tiêu:** HS nắm được nội dung, vấn đề đã học trong học kì.

**b) Nội dung:** GV cho HS trình bày bài nhóm đã chuẩn bị.

**c) Sản phẩm:**

**Câu 11:**   
a. Từ đơn: đã, rồi, mà, cánh, chỉ, đến, giữa, lưng, hở, cả, hai, như, người, mặc, áo  
b. Các từ ghép: Dế Choắt, thuốc phiện, thanh niên, mạng sườn, đôi càng, râu ria.  
Các từ láy: lêu nghêu, ngắn ngủn, bè bè, nặng nề  
Việc sử dụng các từ láy góp phần miêu tả rõ hơn đặc điểm ngoại hình của Dế Choắt.  
c. Những trường hợp như râu ria, mặt mũi không phải từ láy mà là từ ghép, vì hai tiếng trong từ đều có nghĩa.  
**Câu 12:** Mở rộng các câu:  
a. Trời mưa **tầm tã**b. **Những đợt**gió**mùa đông bắc** thổi **rất mạnh**.  
c. Nó đang đọc sách **viết về thế giới loài chim**d. **Mùa** xuân **ấm áp** **đã** về.  
**Câu 13:** Lựa chọn từ các câu  
a. Các đội thổi cơm đan xen nhau uốn lượn trên sân đình trong sự cổ vũ n**ồng nhiệt** của  
người xem. => chọn từ “nồng nhiệt” thể hiện sự ủng hộ, động viên từ phía người khác dành cho mình.  
b. Cô con gái út của phú ông đ**ồng ý** lấy Sọ Dừa. => chọn từ “đồng ý” thể hiện sự bằng lòng của cô con gái út với lời hỏi cưới từ phía Sọ Dừa.  
c. Nhút nhát là**nhược điểm** vốn có của cậu ấy. => “nhược điểm” để chỉ những hạn chế vốn có ở con người, còn “khuyết điểm” là để chỉ những thiếu sót, hạn chế mình còn đang gặp phải.  
d. Ông đang miệt mài **tạc** một pho tượng bằng đá. => chọn từ “tạc” khi sử dụng với chất liệu đá.  
**Câu 15:**a. Ẩn dụ hình ảnh mặt trời trong câu “Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng” là hình ảnh ẩn dụ cho đứa con.  
b. Ẩn dụ "lửa lựu": hình ảnh khóm lựu đầu tường đã trổ hoa rực rỡ như ngọn lửa  
c. Hoán dụ: “đôi dép cũ” chỉ hình ảnh bác Hồ  
**Câu 16:** Tìm trạng ngữ trong đoạn văn:  
- Vào thời giặc Minh đặt ách đô hộ ở nước Nam – trạng ngữ chỉ thời gian, xác định thời điểm diễn ra câu chuyện.  
- Để đánh giặc – trạng ngữ chỉ mục đích, chỉ mục đích và ý nghĩa của việc Long Quân cho nghĩa quân mượn gươm thần.  
**d) Tổ chức thực hiện:  
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu nhóm 3 (bài tập 11, 12, 13), nhóm 4 (bài tập 15, 16) trình bày (đã chuẩn bị trước ở nhà) **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS thực hiện   
**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- HS trình bày. HS khác đối chiếu, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  
**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

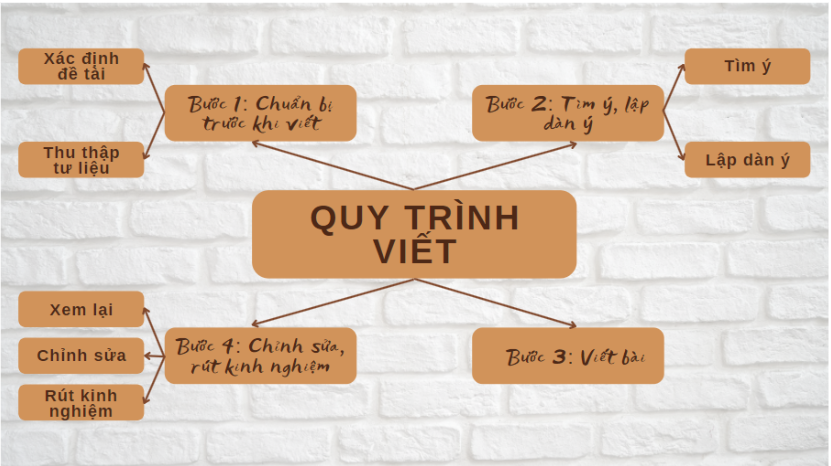
**Hoạt động 3: ÔN TẬP PHẦN VIẾT**

**a) Mục tiêu:** HS nắm được nội dung, vấn đề đã học trong học kì.

**b) Nội dung:** HS thảo luận cặp đôi, trình bày.

**c) Sản phẩm:**

**Câu 5:** Vẽ sơ đồ trình bày các bước trong quy trình viết



**d) Tổ chức thực hiện:  
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS thực hiện trao đổi theo cặp để hoàn thiện sơ đồ bài tập 5.

- Yêu cầu HS lập dàn ý bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân. **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trả lời.

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  
**\* Mở bài:** Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ

**\* Thân bài:** Kể diễn biến của trải nghiệm

- Giới thiệu khái quát về câu chuyện: thời gian, không gian xảy ra câu chuyện; những nhân vật có liên quan đến câu chuyện.

- Kể lại các sự việc trong câu chuyện:

+ Điều gì đã xảy ra? Vì sao câu chuyện lại xảy ra như vậy?

+ Điều gì khiến em đáng nhớ qua trải nghiệm?

+ Cảm xúc của người viết khi xảy ra câu chuyện, khi kể lại câu chuyện?

+ Qua trải nghiệm của bản thân em rút ra bài học gì?  
**\* Kết bài:** Khẳng định ý nghĩa của trải nghiệm, suy nghĩ, mong ước của bản thân.

**C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ:

Đọc ngữ liệu và thực hiện các yêu cầu phía dưới:

**Văn bản 1: CÂY DỪA (Trần Đăng Khoa)**

Cây dừa xanh toả nhiều tàu  
Dang tay đón gió, gật đầu gọi trăng  
Thân dừa bạc phếch tháng năm  
Quả dừa – đàn lợn con nằm trên cao

Đêm hè hoa nở cùng sao  
Tàu dừa – chiếc lược chải vào mây xanh  
Ai mang nước ngọt, nước lành  
Ai đeo bao hũ rượu quanh cổ dừa

Tiếng dừa làm dịu nắng trưa  
Gọi đàn gió đến cùng dừa múa reo  
Trời trong đầy tiếng rì rào  
Đàn cò đánh nhịp bay vào bay ra…

Đứng canh trời đất bao la  
Mà dừa đủng đỉnh như là đứng chơi.

**Văn bản 2: THÁNG GIÊNG CỦA BÉ (Đỗ Quang Huỳnh)**

Đồng làng vương chút heo may

Mầm cây tỉnh giấc, vườn đầy tiếng chim

Hạt mưa mải miết trốn tìm

Cây đào trước cửa lim dim mắt cười

Quất gom từng hạt nắng rơi

Làm thành quả - những mặt trời vàng mơ

Tháng giêng đến tự bao giờ?

Đất trời viết tiếp bài thơ ngọt ngào

**I. Đọc hiểu:** Thơ lục bát(Ngữ liệu bài thơ/đoạn thơ **nằm ngoài** SGK “*Chân trời sáng tạo*”).( 2 ngữ liệu trên)

**Nhận biết:**

- Phương thức biểu đạt, phương thức biểu đạt chính.

- Những dấu hiệu đặc trưng của thơ lục bát (thể thơ, cách gieo vần, ngắt nhịp, thanh điệu, hình ảnh…).

- Khái niệm/đặc điểm của hoán dụ, ẩn dụ, mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ.

- Xác định được từ ngữ có sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ, hoán dụ, nhân hóa; từ láy; câu mở rộng thành phần chính trong ngữ cảnh.

- Nội dung/ý nghĩa của các hình ảnh tiêu biểu, từ ngữ đặc sắc, mạch cảm xúc của đoạn thơ/bài thơ.

**Thông hiểu:**

- Tác dụng của biện pháp tu từ: ẩn dụ, hoán dụ, nhân hóa. Phân biệt được hai biện pháp tu từ hoán dụ, ẩn dụ.

- Liên hệ tên các bài thơ lục bát và tên tác giả đã học trong chương trình.

- Tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ.

- Chủ đề: vẻ đẹp quê hương, trò chuyện cùng thiên nhiên.

**Vận dụng:**

- Viết từ 1 đến 2 câu có sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ, hoán dụ, nhân hóa và câu mở rộng thành phần (sử dụng từ ngữ có trong ngữ liệu để mở rộng cả câu; mở rộng chủ ngữ hay vị ngữ).

- Viết từ 1 đến 2 câu nêu được bài học, thông điệp từ đoạn thơ/ bài thơ.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV gợi một số câu hỏi liên quan đến 2 ngữ liệu.

- HS thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo thảo luận**

- HS báo cáo kết quả hoạt động;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung

……………………………….

**Tiết 71 - 72**

**KIỂM TRA CUỐI KÌ I**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Về kiến thức:**

- HS nắm vững các kiến thức về Văn, Tiếng Việt và Tập làm văn trong chương trình Ngữ văn lớp 6 từ đầu HKI đến cuối HKI.

- Đồng thời qua bài kiểm tra cuối học kỳ I, HS hệ thống và gắn kết các kiến thức của mỗi phần Văn, Tiếng Việt và Tập làm văn để vận dụng trong một bài kiểm tra tổng hợp.

**2. Về năng lực:**

a. Năng lực chung:

Phát triển năng lực hiểu, cảm nhận về tác phẩm văn học; năng lực sử dụng ngôn ngữ, biết cách dùng từ, đặt câu, biết cách viết một bài văn hoàn chỉnh.

b. Năng lực riêng biệt:

Vận dụng kiến thức chương trình Ngữ văn lớp 6 cuối học kỳ I vào bài làm, thực hiện được bốn mức độ từ thấp đến cao là nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao một cách thành thạo, nhuần nhuyễn.

**3. Về phẩm chất:** chủ động, tích cực, nghiêm túc, tự giác.

**II. MA TRẬN**

**III. BẢNG MÔ TẢ ĐỀ**

**IV. ĐỀ KIỂM TRA**

**V. ĐÁP ÁN**

**VI. THỐNG KÊ KẾT QUẢ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Lớp | Sĩ số | Kém | | Yếu | | Trung bình | | Khá | | Giỏi | | TB trở lên | |
| 0.0 đến <3.5 | | 3.5 đến <5.0 | | 5.0 đến <6.5 | | 6.5 đến <8.0 | | 8.0 đến 10.0 | | 5.0 đến 10.0 | |
| SL | TL% | SL | TL% | SL | TL% | SL | TL% | SL | TL% | SL | TL% |
| 6A |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6A |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**VII. NHẬN XÉT, RÚT KINH NGHIỆM:**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**TRƯỜNG THCS ĐỐNG ĐA**

**KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I – NĂM HỌC: 2023 – 2024**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/ đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | | **Tổng % điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | | **Vận dụng cao** | |  |
| TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL | | TNKQ | TL |
| 1 | **Đọc hiểu** | Thơ (trích thơ nằm ngoài SGK “Chân trời sáng tạo”) | 7 | 0 | 1 | 1 | 0 | 1 | | 0 |  | 60 |
| 2 | **Viết** | Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | 3,5 | 0,5 | 0,5 | 2,5 | 0 | 2,0 | 0 | | 1,0 | 100% |
| **Tỉ lệ %** | | | 40% | | 30% | | 20% | | 10% | | |
| **Tỉ lệ chung** | | | 70% | | | | 30% | | | | |  |

**TRƯỜNG THCS ĐỐNG ĐA**

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 6**

**Thời gian làm bài: 90 phút**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/ Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| 1 | **Đọc hiểu** | **Thơ lục bát** (Trích thơ nằm ngoài SGK “*Chân trời sáng tạo*”). | **Nhận biết:**  - Phương thức biểu đạt, phương thức biểu đạt chính.  - Những dấu hiệu đặc trưng của thơ lục bát (thể thơ, cách gieo vần, ngắt nhịp, thanh điệu, hình ảnh…).  - Khái niệm/đặc điểm của hoán dụ, ẩn dụ, mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ.  - Xác định được từ ngữ có sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ, hoán dụ, nhân hóa; từ láy; câu mở rộng thành phần chính trong ngữ cảnh.  - Nội dung/ý nghĩa của các hình ảnh tiêu biểu, từ ngữ đặc sắc, mạch cảm xúc của đoạn thơ/bài thơ.  **Thông hiểu:**  - Tác dụng của biện pháp tu từ: ẩn dụ, hoán dụ, nhân hóa. Phân biệt được hai biện pháp tu từ hoán dụ, ẩn dụ.  - Liên hệ tên các bài thơ lục bát và tên tác giả đã học trong chương trình.  - Tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ.  - Chủ đề: vẻ đẹp quê hương, trò chuyện cùng thiên nhiên.  **Vận dụng:**  - Viết từ 1 đến 2 câu có sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ, hoán dụ, nhân hóa và câu mở rộng thành phần (sử dụng từ ngữ có trong ngữ liệu để mở rộng cả câu; mở rộng chủ ngữ hay vị ngữ).  - Viết từ 1 đến 2 câu nêu được bài học, thông điệp từ đoạn thơ/ bài thơ. | 7TN | 1TN  1TL | 1TL |  |
| 2 | Viết | Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân. | **Nhận biết:** Nhận biết được yêu cầu của kiểu bài văn tự sự kể lại một trải nghiệm của bản thân.  **Thông hiểu:** Viết đúng về nội dung, về hình thức (từ ngữ, diễn đạt, bố cục bài văn)  **Vận dụng:** Viết được bài văn tự sự: giới thiệu được trải nghiệm, nội dung sự việc theo diễn biến câu chuyện(từ đầu đến kết thúc sự việc) và rút ra được bài học cho bản thân; sử dụng ngôi thứ nhất xưng tôi (chúng tôi), ngôn ngữ trong sáng, giản dị.  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; kể được các sự việc theo trình tự thời gian, kết hợp với miêu tả, biểu cảm; rút ra được lời khuyên, thông điệp cho người khác. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **7TN** | **1TN**  **1TL** | **1TL** | **1TL** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **70%** | | **30%** | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS ĐỐNG ĐA** | | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I**  **NĂM HỌC: 2023-2024** |
|  | **MÔN: NGỮ VĂN**  **LỚP: 6**  *Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian phát đề)* | |

# PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm) Đọc ngữ liệu sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

*“Đồng làng vương chút heo may*

*Mầm cây tỉnh giấc, vườn đầy tiếng chim*

*Hạt mưa mải miết trốn tìm*

*Cây đào trước cửa lim dim mắt cười*

*Quất gom từng hạt nắng rơi*

*Làm thành quả - những mặt trời vàng mơ*

*Tháng giêng đến tự bao giờ?*

*Đất trời viết tiếp bài thơ ngọt ngào”*

(*Tháng giêng của bé* - Đỗ Quang Huỳnh)

***Câu 1. Văn bản trên được viết theo thể thơ nào?***

A.Thơ lục bát B. Thơ tám chữ C.Thơ năm chữ D. Thơ sáu chữ

***Câu 2. Trong các văn bản sau, văn bản nào không cùng thể thơ với văn bản “Tháng giêng của bé” của Đỗ Quang Huỳnh?***

A. Hoa bìm B. Đánh thức trầu C.Việt Nam quê hương ta D. Chuyện cổ nước mình

***Câu 3. Xác định phương thức biểu đạt chính của bài thơ trên.***

A. Miêu tả B. Tự sự C. Biểu cảm D. Nghị luận

***Câu 4. Câu thơ nào trong bài thơ ngắt nhịp không giống với đặc trưng thể loại của ngữ liệu trên?***

A. Hạt mưa mải miết trốn tìm B. Cây đào trước cửa lim dim mắt cười

C. Làm thành quả - những mặt trời vàng mơ D. Tháng giêng đến tự bao giờ?

***Câu 5. Câu thơ “Đất trời viết tiếp bài thơ ngọt ngào” sử dụng biện pháp tu từ nào?***

A. Ẩn dụ, nhân hóa B. So sánh, ẩn dụ C. Nhân hóa, từ láy D. Hoán dụ, nhân hóa

***Câu 6. Nội dung chính của bài thơ trên là:***

A*.* Vẻ đẹp của tình người khi xuân sang B. Vẻ đẹp của làng quê khi xuân về

C. Tâm trạng rạo rực khi xuân sang D. Tình làng, nghĩa xóm khi tết đến

***Câu 7. Đâu là các từ láy có trong bài thơ?***

# A. lim dim, trốn tìm, nho nhỏ B. lim dim, hối hả, ngọt ngào

# C. mải miết, lim dim, ngọt ngào D. mải miết, rào rào, lim dim

***Câu 8. Chọn từ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống để hoàn thành khái niệm sau:***

Hoán dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có……..với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

A. có nét tương đồng B. có nét khác biệt C. có điều đặc biệt D. có quan hệ gần gũi

***Câu 9. Hãy dùng các từ ngữ sau: “nắng”, “rơi” để viết một câu mở rộng thành phần chính bằng cụm từ.***

***Câu 10. Viết 1 đến 2 câu nêu lên những bài học mà em rút ra từ bài thơ.***

**PHẦN II. VIẾT ( 4.0 điểm)**

Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân mà em ấn tượng sâu sắc nhất.

*----------------------***HẾT***----------------------*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS ĐỐNG ĐA** | **KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I**  **NĂM HỌC: 2023-2024** |
| **ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**  **MÔN: NGỮ VĂN LỚP: 6** | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6.0** |
| **1** | A | 0,5 |
| **2** | B | 0,5 |
| **3** | C | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | C | 0,5 |
| **8** | D | 0,5 |
| **9** | HS mở rộng thành phần chính của câu (chủ ngữ và vị ngữ, hoặc cả câu) bằng cụm từ  *Nếu HS không sử dụng các từ đã cho để mở rộng thì không cho điểm.*  *Nếu HS chỉ mở rộng thành phần chính, nhưng chưa đảm bảo cấu tạo một câu: 0.5 đ* | 1,0 |
| **10** | - Sống gần gũi, yêu quí, bảo vệ thiên nhiên.  - Không nên phá hoại môi trường…  *HS có thể có cách trả lời khác, miễn phù hợp, GV linh hoạt ghi điểm. Nếu HS chỉ đưa ra bài học mà viết câu không đúng, hoặc chỉ nêu 1 bài học: 0.5 điểm. Nếu HS chỉ viết đầy đủ câu nhưng không liên quan đến yêu cầu bài học: 0 điểm.* | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
| **a.Đảm bảo cấu trúc bài văn tư sự**  Mở bài: Giới thiệu được sự việc  Thân bài: Kể diễn biến sự việc  Kết bài: Nêu cảm xúc, suy nghĩ, mong ước, bài học của người viết với câu chuyện đã xảy ra. | 0.25 |
| **b.Xác định đúng yêu cầu của đề:**  Kể lại một trải nghiệm của bản thân, sử dụng ngôi kể thứ nhất. | 0.25 |
| **c. Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ.** HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  **\* Mở bài:** Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ  **\* Thân bài:** Kể diễn biến của trải nghiệm  - Giới thiệu khái quát về câu chuyện: thời gian, không gian xảy ra câu chuyện; những nhân vật có liên quan đến câu chuyện.  - Kể lại các sự việc trong câu chuyện:  + Điều gì đã xảy ra? Vì sao câu chuyện lại xảy ra như vậy?  + Điều gì khiến em đáng nhớ qua trải nghiệm?  + Cảm xúc của người viết khi xảy ra câu chuyện, khi kể lại câu chuyện?  **\* Kết bài:** Rút ra bài học qua trải nghiệm đó; nêu suy nghĩ, mong ước của bản thân. | 0.5  1.5  0.5 |
| **d. Chính tả, ngữ pháp**  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, tiếng Việt. | 0.5 |
| **e. Sáng tạo:**  - Có lối kể sáng tạo, hấp dẫn lôi cuốn; kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm để làm nổi bật ý nghĩa của câu chuyện.  - Diễn đạt sáng tạo, sinh động, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.  \* *Lưu ý: Trong quá trình chấm, giáo viên có thể linh hoạt đối với bài làm của HS, tránh áp đặt theo khuôn mẫu.* | 0.5 |